



DAKRUCO
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



www.dakruco.com



(0262) 3865015



Số 30 Đường Nguyễn Chí Thanh,
Phường Tân An, Thành phố Buôn
Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk



caosu@dakruco.com



DAKRUCO TẠO RA NHỮNG
GIÁ TRỊ TỐT NHẤT

DAKRUCO



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2021



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

01

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

03

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06



DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

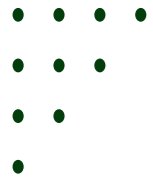
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro

Thông tin khái quát



Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
Tên viết tắt	DAKRUCO.JSC
Trụ sở chính	30 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột
Vốn điều lệ	1.558.000.000.000 đồng
Mã chứng khoán	DRG
Số điện thoại	(0262) 3865015
Số fax	(0262) 3865041
Email	caosu@dakruco.com
Website	dakruco.com

Logo Công ty



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (DAKRUCO), tiền thân là Công ty Cao su Đắk Lắk thành lập tháng 3 năm 1993, trên cơ sở Liên hiệp các Xí nghiệp cao su Đắk Lắk thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ và được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV theo quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 23/09/2010 về việc Phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cao su Đắk Lắk thành Công ty TNHH MTV và Điều lệ Công ty kể từ tháng 01/2011.

2018

Ngày 01/10/2018: Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 1.558.000.000.000 đồng.

Ngày 29/09/2018: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Ngày 04/09/2018: Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2139/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

Ngày 31/07/2018: Công ty thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả:

- Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá công khai: 97.575.500 cổ phần
- Tổng khối lượng cổ phần bán được: 52.500 cổ phần

Ngày 11/04/2018: Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk theo Quyết định số 739/QĐ-UBND

2019

Ngày 11/12/2019: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 08/05/2019: Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UB-CKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng

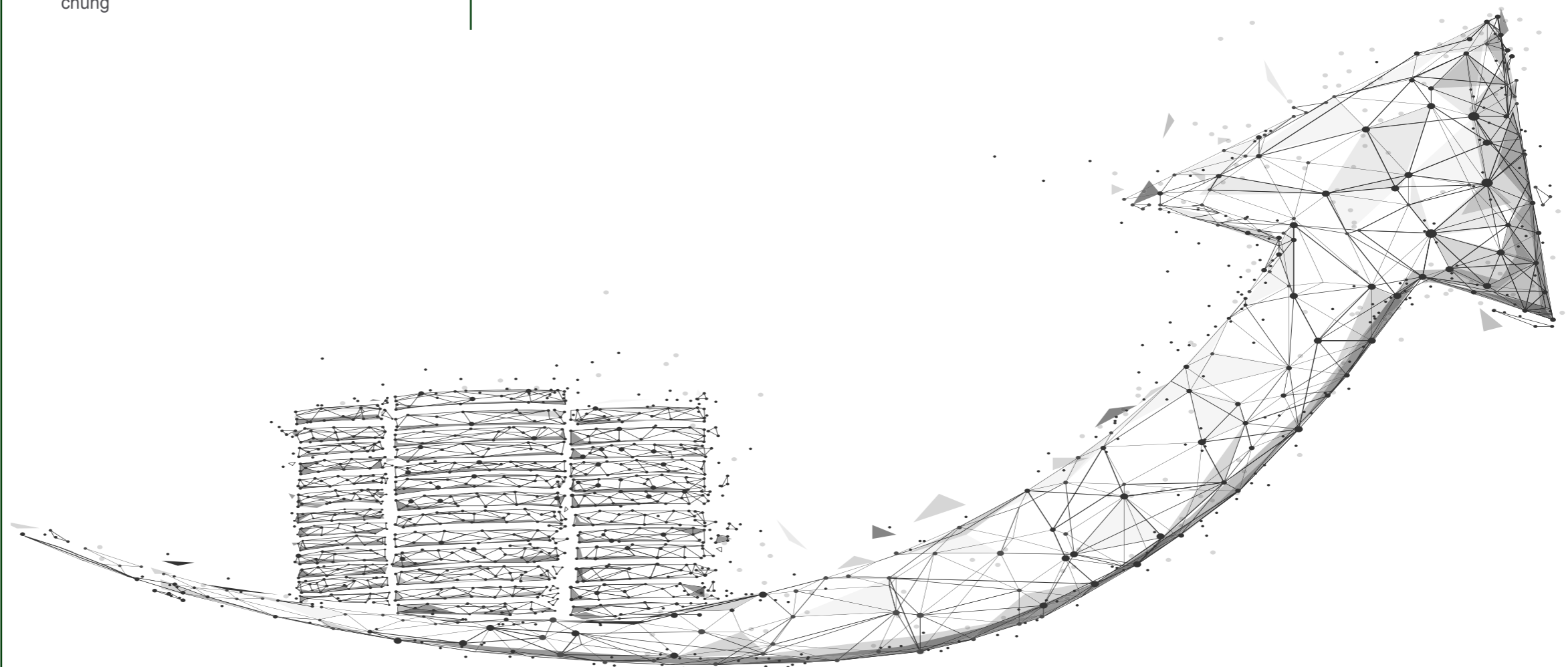
2020

Ngày 06/08/2020: Ban hành Quy chế Tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty TNHH phát triển cao su Đắk Lắk-Mondulkiri

2021

Ngày 20/10/2021: Công ty chính thức điều chỉnh chứng khoán của người lao động từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do

Ngày 29/04/2021: Sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

01 Trồng cây cao su, Chế biến cao su, Mua bán mủ cao su

Sản phẩm chính của Công ty là mủ cao su, được chia làm 2 loại chính: Mủ latex và mủ cốm. Trong đó, mủ Latex dạng lỏng bao gồm dòng mủ HA (High Amoniac) và mủ LA (Low Amoniac), ứng dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày phục vụ cho các lĩnh vực y tế, kỹ thuật như sản xuất nệm, găng tay, keo dán, bong bóng. Trong khi đó, mủ cốm ở dạng khối có 03 dòng chính bao gồm dòng có độ mềm dẻo và có tính bám dính phục vụ để sản xuất dây thun, keo dán, mặt hông lốp xe, mặt vợt bóng bàn như: SVR CV 60, SVR CV 50; dòng có độ đàn hồi và mài mòn cao phục vụ cho lĩnh vực sản xuất lốp xe ô tô, dây đai, cáp dây điện như SVR 3L và dòng có tính cứng phục vụ trong công nghiệp sản xuất lốp xe như SVR 10. Ngoài ra Công ty còn có nhà máy sản xuất sợi chỉ thun cao su phục vụ cho công nghiệp dệt may. Quy trình sản xuất của Công ty Dakruco qua hoạt động trồng, khai thác, chế biến được chuẩn hóa theo quy trình ISO 9000. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi nhánh nông trường và thu mua ngoài. Trong đó chủ yếu là sản lượng từ vườn cây cao su Công ty đang quản lý nên tính ổn định tương đối cao.



SVR 3L



SVR 5



SVR 10



SVR 20



SVR CV50



SVR CV60

02

Trồng cây ăn quả và bán các sản phẩm trái cây

Đến nay, Công ty đã đầu tư một khu sản xuất tập trung trên 284 ha trồng các loại cây mít siêu trái, sầu riêng và trên đó trồng xen chuối, dứa theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm đã được thu hoạch và xuất bán từ tháng 3/2020 là chuối và dứa, cả hai loại này đều được cấp chứng nhận VietGAP và đang làm thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Năm 2022 và những năm tiếp theo, sẽ mở rộng quy mô trồng cây ăn trái ứng dụng công nghệ cao, hợp tác đầu tư nhà máy chế biến trái cây và đầu tư nhà máy chế biến phân hữu cơ ngay sau khi đầu tư nhà máy chế biến trái cây.



CHUỐI CAVENDISH



CHANH LEO

03

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch

Công ty có tổ hợp Khách sạn Dakruco được xây dựng trên tổng diện đất 2,7 ha, bao gồm: Khách sạn 4 sao, cao 11 tầng, quy mô 114 phòng; khách sạn 3 sao, cao 3 tầng, quy mô 31 phòng; nhà hàng tiệc cưới 2 tầng, sức chứa 1.000 khách; các tiện ích giải trí khác gồm: hồ bơi, sân tennis.



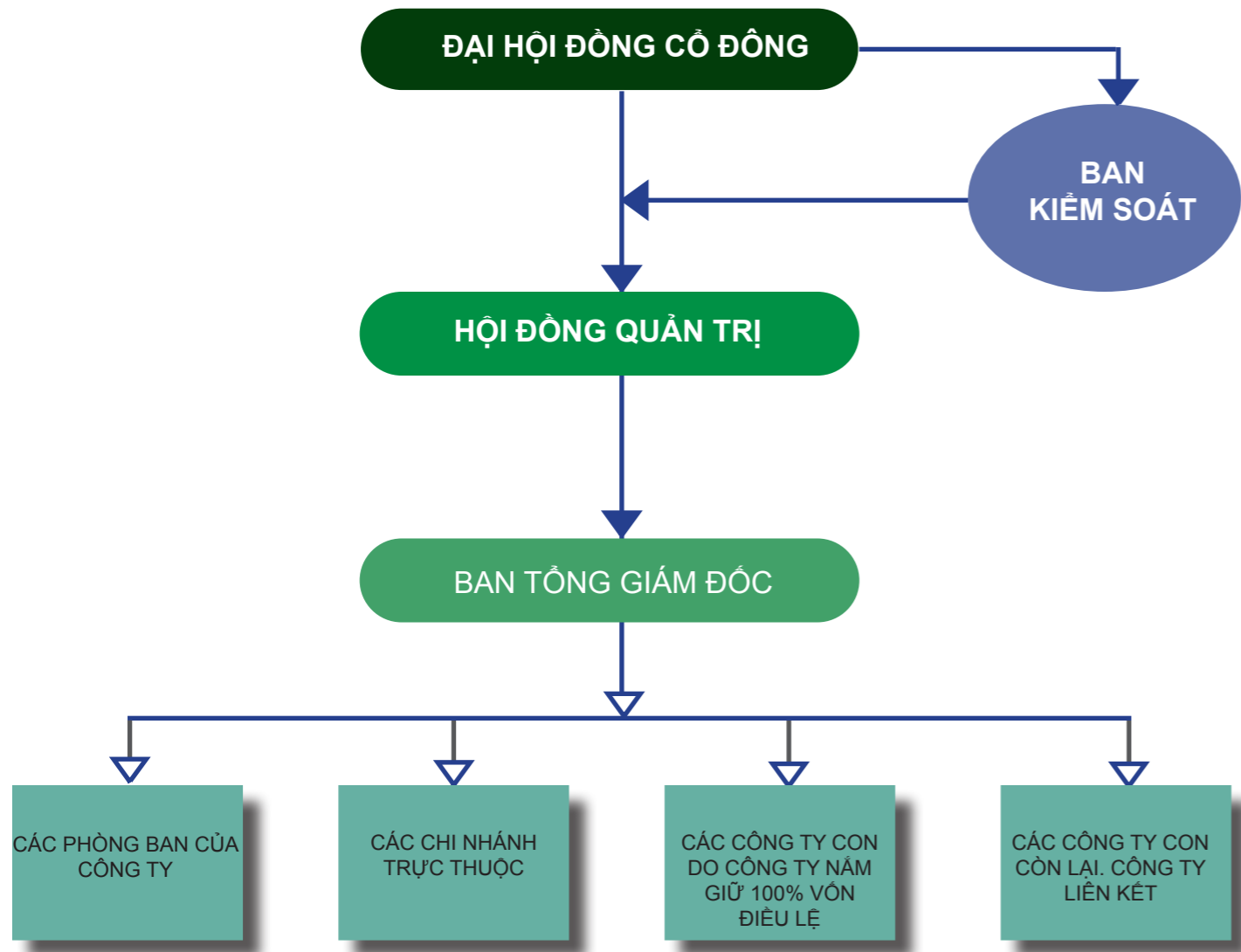
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở chính Công ty đặt tại Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, hoạt động kinh doanh chủ yếu trong khu vực địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Vườn cao su được trồng chủ yếu tại các huyện Cư Mgar, Cư Kuin, Krông Buk, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, và Vương quốc Campuchia (Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Monodolkiri)
- Vườn cây ăn quả được trồng tại xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; sản phẩm được xuất bán ở thị trường nội địa, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Châu Âu.

Thông tin về mô hình quản trị



Các đơn vị trực thuộc

Công ty có 09 chi nhánh đang hoạt động gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường 19-8
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường CưMgar
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cuôr Đăng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Phú Xuân
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Bao
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường CưKpô
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nhà máy Chế biến mủ cao su
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Khách sạn Dakruco
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nhà máy Chế biến chỉ thun

Các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty góp vốn như sau:

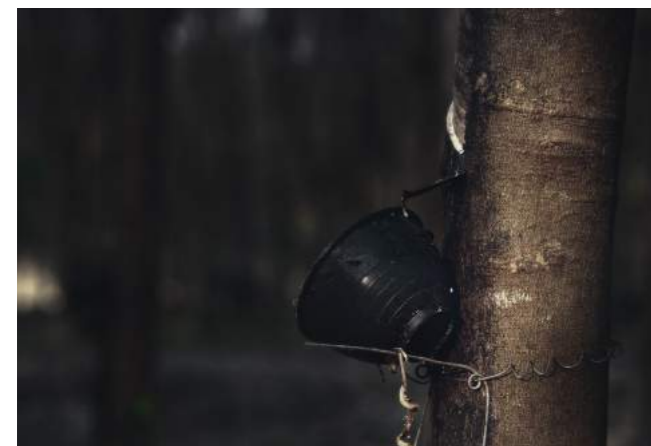
STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I. CÔNG TY CON				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Số 59 cao thắng, phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.	Trồng cây công nghiệp và chế biến	66,6%
2	Công ty Cổ phần Cao su Đắknoruco	Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,4%
3	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%
II. CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Cao su	Km 18, Thôn Đoàn Kết, Xã Ea D'Rông, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	28,79%
2	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea Đ'rong, Huyện CưM'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng.	45,13%
III. CÔNG TY GÓP VỐN				
1	Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương	Lô số 4, đường số 7, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cao su cho ngành cấp thoát nước, thảm cho bò nằm, phụ tùng cao su kỹ thuật và sản phẩm cao su màu	12,5%
2	Quỹ tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk	03 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Hoạt động tín dụng và các hoạt động ngân hàng khác	9,77%



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu

- Triển khai bán 30,6% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) và bán tài sản cụm khách sạn, văn phòng Công ty để tái cơ cấu tài chính, tái cơ cấu nợ; tiếp tục làm việc với các ngân hàng thương mại để vay vốn đầu tư tái canh vườn cao su; đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2021- 2025, phấn đấu năm 2022 được cấp chứng chỉ FSC-FM cho 1000 ha sản phẩm gỗ, mủ của Nông trường 19/8 và Phú Xuân, FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ và lĩnh vực thương mại;
- Tiếp tục triển khai Kế hoạch chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, từng bước số hóa các quy trình sản xuất và quản lý, trong năm 2022 triển khai cho Nông trường Cư Bao.
- Chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 đề ra.
- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng đạt tiêu chuẩn Viet Gap hoặc GlobalGap.
- Triển khai trồng tái canh cao su theo mô hình hàng kép; triển khai các hợp đồng trồng xen cây nông nghiệp trong cao su trồng hàng kép.
- Tập trung chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh hiệu quả đối với cây chuối, mít, sầu riêng và nhân giống vườn dứa MD2.
- Chủ trương rút vốn góp tại Quỹ tín dụng nhân dân Cao su Đắk Lắk với phần vốn góp vượt quy định là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu) về Công ty.



- Xây dựng và quản lý các hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO; quy trình quản trị số; các nhãn hiệu và chứng nhận chất lượng sản phẩm; mã sản phẩm, mã vùng trồng...
- Kiểm soát lĩnh vực bảo vệ môi trường; kiểm nghiệm sản phẩm cao su thiên nhiên; kiểm soát hoạt động chế biến các sản phẩm của Công ty; Kiểm soát hoạt động hệ thống FSC của Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch Covid-19 xâm nhập vào Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty, không để tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị đứt gãy do dịch bệnh Covid-19.
- Cân đối dòng tiền, tiết giảm các khoản chi phí trong sản xuất, đầu tư xây dựng; giãn, giảm một số công trình, dự án đầu tư nhằm tránh tình trạng mất thanh khoản.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi một số quy định để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, các nghị định thông tư có liên quan và Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty...
- Nghiên cứu vận dụng các quy định của pháp luật, thực hiện kiện toàn Ban Kiểm soát và tăng chức năng, quyền hạn cho Ban Kiểm soát để tăng cường quản trị rủi ro.
- Kiện toàn tổ chức bộ máy; gắn với tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển cán bộ quản lý để đảm bảo hoạt động của bộ máy hiệu quả.

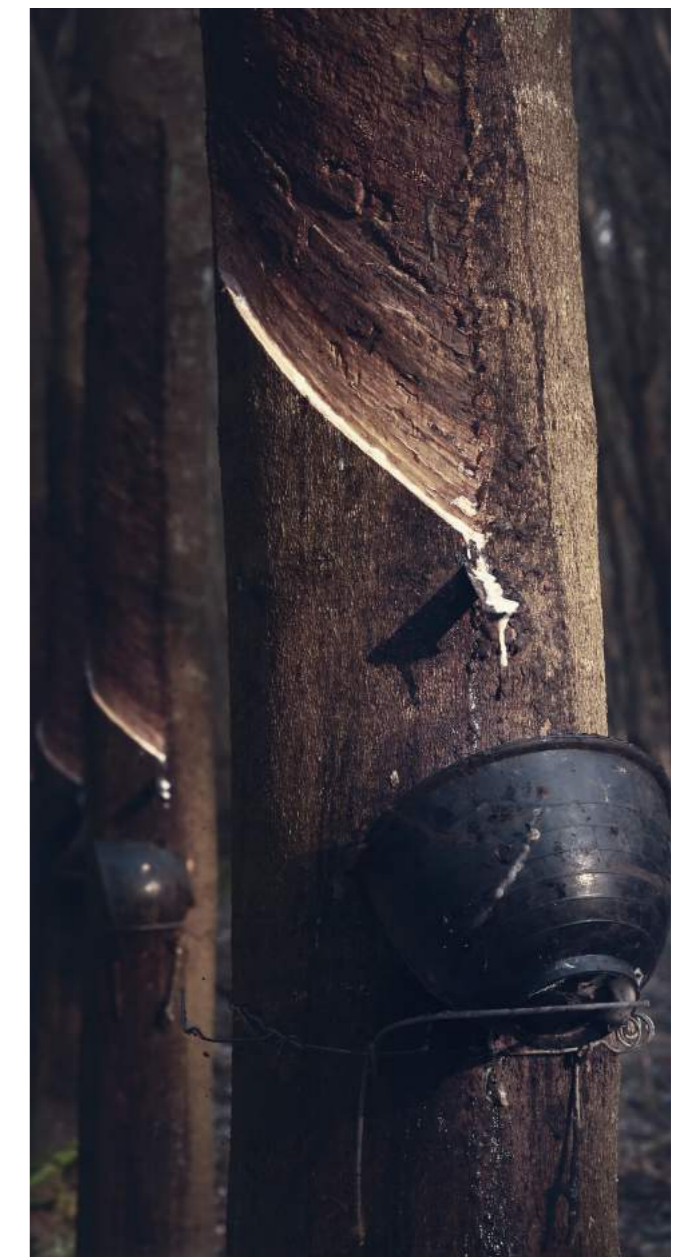


Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Ban điều hành xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân để đảm bảo việc thực hiện công tác quản lý, vận hành đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục triển khai chương trình phát triển cao su bền vững gắn với việc xây dựng và thực hiện phương án chuyển đổi số của Công ty trong giai đoạn 2021 -2025, đến năm 2022 được cấp chứng chỉ FSC-FM cho 1000 ha sản phẩm gỗ, mủ cao su tại Nông trường 19/8 và Phú Xuân. Duy trì chứng nhận Nhãn hiệu Cao su Việt Nam và duy trì ổn định khách hàng cao su truyền thống.
- Chăm sóc vườn cao su trồng mới đảm bảo đạt tỷ lệ sống cao nhất có thể và tiếp tục thực hiện phát triển vườn giống dứa MD2 và hợp tác nhân giống, để có nguồn giống trồng đại trà vào năm 2022 – 2023 và các năm tiếp theo.
- Tìm hiểu mở rộng phát triển thị phần sản phẩm hiện tại và nghiên cứu tìm tòi sản phẩm mới, đặc biệt là sản phẩm trực tiếp xuất khẩu... Tiếp tục duy trì chứng nhận VietGAP và hướng tới xây dựng chứng nhận GlobalGAP đối với sản phẩm, đẩy mạnh tiếp thị sang thị trường nước ngoài.
- Đầu tư nhà ở, nhà làm việc, trạm y tế và Nhà máy Chế biến mủ SVR10, 20 với công suất 2.000 tấn/năm cho



- Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; sử dụng nguồn lao động phù hợp; chú trọng đào tạo công nhân khai thác và công nhân dây chuyền sản phẩm cây ăn trái, đào tạo kỹ năng quản lý cho đội ngũ, cán bộ quản lý công ty.
- Tiến hành rà soát, đánh giá, bổ sung quy hoạch và có kế hoạch luân chuyển, bổ nhiệm để đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ quản lý trong toàn Công ty, trong đó chú trọng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, nhằm chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kế cận kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ SXKD cho Công ty.



Định hướng phát triển

Mục tiêu đối với môi trường

- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về tài nguyên môi trường.
- Triển khai xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và triển khai đào tạo nhận thức về thực hiện quản lý rừng bền vững, chuỗi hành trình sản xuất, gỗ cao su theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế.
- Cải tạo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 01-MT :2015/BTNMT, tại Nhà máy chế biến chỉ thun và Nhà máy chế biến mủ cao su; lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường cho Nhà máy chế biến mủ. Tiếp tục duy trì việc thực hiện tiêu chuẩn ISO 14.000-2015 cho toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của tất cả các loại sản phẩm.
- Công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy chế biến mủ cao su được tuân thủ theo đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đánh giá Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định pháp luật về môi trường.



Mục tiêu đối với cộng đồng

- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại Việt Nam và Campuchia, tại Dakmoruco xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho người lao động; các chi nhánh nông trường liên kết với các trạm y tế địa phương để khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên và người lao động, nhất là trong giai đoạn dịch Covid – 19 bùng phát; duy trì chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Luôn theo dõi, hỗ trợ các khu vực bị thiên tai, lũ lụt và các cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.
- Phát triển các dự án về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắk Lắk nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, đưa công nghệ mới vào sản xuất, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương nơi sản xuất.
- Tham gia cùng chính quyền địa phương về xây dựng nông thôn mới.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Dakruco luôn tuân thủ Luật pháp, nộp ngân sách đầy đủ và thực hiện đúng cam kết với người lao động. Tiếp tục chương trình hỗ trợ cho công nhân và gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho công nhân viên, đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của người lao động.

Các yếu tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

- Mọi ngành nghề, mọi doanh nghiệp của Việt Nam đều chịu ảnh hưởng bởi sự tác động của diễn biến tình hình kinh tế chung thế giới. Dakruco là doanh nghiệp có doanh thu xuất khẩu chiếm hơn 1/2 tổng doanh thu bán hàng, do đó những biến động về kinh tế, lãi suất, thương mại của thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ của các thị trường nước ngoài và các hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty.

- Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, GDP Việt Nam tăng 2,58%, kết quả này thấp hơn so với năm 2020 (2,91%) và là mức thấp nhất cả giai đoạn 2011-2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đặc biệt là biến chủng Delta. Bên cạnh đó, giá mủ cao su vẫn còn đang trong vùng giá thấp so với thời kỳ 10 năm về trước, giao động khoảng 250 JPY/kg năm 2021, chỉ bằng khoảng 50% so với thời kỳ năm 2012 (giá cao su thiên nhiên trên thị trường được giao dịch với ở ngưỡng 450 JPY/kg); trong khi đó vườn cây của Công ty đang trong giai đoạn tái đầu tư, trồng tái canh mới nên năng suất và sản lượng chưa cao, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập của Công ty.

- Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Dakruco chịu ảnh hưởng từ cung cầu thị trường, đặc biệt là tại những thị trường tiêu thụ mủ cao su, sợi chỉ thun chính như: Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ,...; thị trường trái cây: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... vì vậy, biến động về chính sách của các quốc gia trên, hoặc tình hình bất ổn về địa chính trị trên thế giới, cũng tác động đến hoạt động kinh doanh của Dakruco. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng xanh, tiết kiệm và tận dụng các sản phẩm tái chế đang là xu hướng trong tương lai. Điều này mang tới nhiều thách thức cho Công ty.

- Để hạn chế được rủi ro kinh tế, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường, nghiên cứu và cải thiện quy trình sản xuất, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng để đẩy mạnh doanh thu và tăng tính bền vững. Công ty cũng thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thương mại, các chính sách kinh tế trong và ngoài nước, nhất là tại các nước đối tác của Công ty để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất và kinh doanh sao cho phù hợp.

Rủi ro tỷ giá

DRG là doanh nghiệp có sản lượng xuất khẩu khá lớn, chiếm hơn 70% cơ cấu doanh thu của Công ty cho nên việc phụ thuộc vào tỷ giá là điều không tránh khỏi. Biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty vì vậy DRG luôn giám sát và quản lý chặt chẽ để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro kịp thời. Trong năm, mặc dù bị ảnh hưởng trầm trọng của đại dịch Covid-19 tác động đến nguồn cung lẫn cầu sụt giảm và mang lại nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng tỷ giá của Việt Nam so với các nước khá ổn định và luôn được kiểm soát tốt, điều này đã tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra thuận lợi.



Rủi ro pháp lý

Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và có Công ty con tại Campuchia, DRG ngoài việc chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam, thì Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý tại Campuchia. Hiện tại khung pháp lý ở Campuchia chưa thật hoàn chỉnh, nên tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Công ty. Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su và sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn phải chấp hành nghiêm túc các chính sách về môi trường và con người. Bên cạnh đó, Công ty còn xuất khẩu sản phẩm ra thị trường các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ... nên Công ty còn chịu sự chi phối của các Thông tư, Nghị định của Luật xuất khẩu. Với các điều luật, chính sách liên tục đổi mới để phù hợp với nền kinh tế, DRG luôn phải thường xuyên theo dõi, cập nhật vào Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty, để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật nhằm phòng ngừa rủi ro về pháp lý và giúp cho Công ty hoạt động ổn định.

Rủi ro lãi suất

Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ lãi suất, chi phí vốn vay cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid. Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam dao động từ 3% - 4%/năm đối với kỳ hạn dưới 6 tháng, 3,7% - 5%/năm đối với kỳ hạn 6 - 12 tháng và 4,2% - 6,5%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng. Mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là yếu tố tích cực đối với DRG nhằm giúp Công ty giảm thiểu được áp lực lãi vay khi Công ty có các khoản vay ngắn hạn với mục đích hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, trong bối cảnh lạm phát tăng cao, việc Ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ thông qua kênh lãi suất có thể là rủi ro rất có khả năng sẽ xảy ra trong năm tiếp theo. Vì vậy, để hạn chế và giảm thiểu rủi ro lãi suất, DRG luôn đi tìm các gói lãi suất tốt nhất nhằm cắt giảm tối đa chi phí doanh nghiệp.

Các yếu tố rủi ro

Rủi ro đến từ thiên nhiên

Nông nghiệp là ngành phụ thuộc hầu hết vào thiên nhiên nên yếu tố tự nhiên diễn biến thất thường của thời tiết (tàn suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là nguyên nhân phát triển của nấm phấn trắng, phấn hồng... trên cây cao su làm giảm chất lượng vườn cây. Mặc dù cây cao su là loại cây công nghiệp lâu năm với việc chăm sóc đơn giản, không cần quá nhiều kỹ thuật trong trồng trọt nhưng việc kiểm soát tốt bệnh hại trên cây cao su, và hạn chế tác động của thiên nhiên sẽ giúp vườn cây phát triển tốt. Lĩnh vực cây ăn quả là loại cây trồng nhạy cảm với sự thay đổi thời tiết và dễ phát sinh nhiều loại bệnh trên cây trồng. Vì vậy, để hạn chế tác động từ thiên nhiên, DRG luôn đi theo mục tiêu phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động trồng trọt, cải tạo hệ thống xử lý nước thải, áp dụng công nghệ sinh học... góp phần tạo điều kiện cho cây cao su phát triển và ít bệnh hại gây ra.

Rủi ro môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất, DRG luôn tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Việc xử lý rác thải từ các bao bì chứa hoá chất độc hại đều được xử lý đúng quy định, nước thải từ các nhà máy được xử lý đảm bảo theo tiêu chuẩn và hạn chế việc thất thoát nước. Trong việc trồng trọt, Công ty luôn ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học thân thiện với môi trường cũng như trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế ảnh hưởng đến sức khoẻ của người lao động và cộng đồng dân cư địa phương xung quanh dự án.

Rủi ro đặc thù kinh doanh

Việt Nam là một trong những quốc gia hàng đầu trong việc cung ứng cao su thiên nhiên trên thế giới, tuy nhiên giá bán cao su lại phụ thuộc vào tình hình cung cầu, giá dầu thô và các Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Nhật và Trung Quốc... Với kỳ vọng năm 2021 kinh tế thế giới phục hồi sẽ làm tăng nhu cầu về cao su, nhưng thực tế nhu cầu lại giảm vì logistic, thiếu Container vận chuyển và các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc và Thái Lan (một trong các nước có thị phần nhập khẩu cao su cao) bị ảnh hưởng dịch bệnh nặng nề, cùng với đó là các chi phí đầu vào cũng tăng cao. Bên cạnh đó, diễn biến giá dầu tăng cao trong năm đã thúc đẩy giá bán cao su tăng cao, đây là cơ hội của ngành cao su nói chung và DRG nói riêng. Để hạn chế rủi ro về giá cả và đảm bảo kinh doanh bền vững Dakruco đang triển khai Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025 và hướng tới được cấp chứng chỉ FSC cho sản phẩm gỗ, mù của Công ty.

Đối với sản phẩm trái cây, thị trường xuất khẩu trái cây của Công ty là các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc; Nhật Bản và Châu Âu... đây là các nước có tiêu chuẩn khắt khe đối với các sản phẩm nhập khẩu. Vì vậy, dây chuyền sản xuất của DRG luôn tuân theo các quy trình VietGAP và hướng tới xây dựng theo chuẩn GlobalGAP.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro trên, Công ty cũng luôn đối mặt với những rủi ro không kiểm soát được như dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ... Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản theo đúng quy định. Ngoài ra, DRG cũng đã chỉ đạo các biện pháp nhằm chủ động ứng phó, thích nghi với diễn biến của dịch bệnh trên địa bàn, đề ra các giải pháp và phương án phù hợp, linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo mục tiêu an toàn sản xuất.





DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu thuần

Tổ chức nhân sự

Công tác nhân sự - pháp chế

Tình hình đầu tư thực hiện dự án mới

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	(%) TH/KH2021	(%) TH 2021/2020
1	Vốn điều lệ	1.558.000	1.558.000	1.558.000	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu	404.625	427.616	639.030	177,80%	157,93%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(14.454)		(12.601)		
4	Lợi nhuận khác	44.013		74.092		
5	Lợi nhuận trước thuế	29.559	50.379	61.490	122,05%	208,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.689		53.327		199,81%

"

Lợi nhuận sau thuế đạt

53.327 triệu đồng

Tăng 99,81% so với cùng kỳ 2020

Năm 2021, một năm đặc biệt đối với các doanh nghiệp ngành cao su. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn từ dịch bệnh Covid-19 gây ra nhưng với tinh thần đoàn kết và quyết tâm thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh được đề ra. Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk đã ghi nhận kết quả ấn tượng và vượt mong đợi trong diễn biến giá cao su trên thị trường tăng mạnh.

Cụ thể, tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt lần lượt là 639.030 triệu đồng và 61.490 triệu đồng, tức tăng lần lượt 57,93% và 108,02% so với cùng kỳ 2020. Như vậy, so với kế hoạch 427.616 tỷ đồng doanh thu và 50.379 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, DRG đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra, đạt 177,8% kế hoạch doanh thu và 122,05% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Nhờ đó, DRG mang về 53.327 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 99,81% so với năm 2020.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	(%) TH/KH2021	(%) TH 2021/2020
1	Tổng doanh thu	918.706		1.328.207		146%
2	Doanh thu thuần	918.706		1.327.480		146%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.205)		94.903		-
4	Lợi nhuận khác	51.642		76.524		146%
5	Lợi nhuận trước thuế	45.436		171.427		347%
6	Lợi nhuận sau thuế	32.012		129.808		405%

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 129,80 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 là 32,01 tỷ đồng, tăng 305,5% tương đương tăng 97,79 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng như sau:

Tại công ty mẹ:

- Sản phẩm mủ cao su các loại bán ra tăng 9,81% tương ứng tăng 643,85 tấn so với cùng kỳ năm trước; Sản phẩm sợi chỉ thun bán ra tăng 74,13%, tương ứng tăng 1.638,96 tấn so với cùng kỳ năm trước.
- Giá bán sản phẩm mủ cao su các loại bán ra tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước; Giá bán sản phẩm sợi chỉ thun tăng 26,47% so với cùng kỳ năm trước.

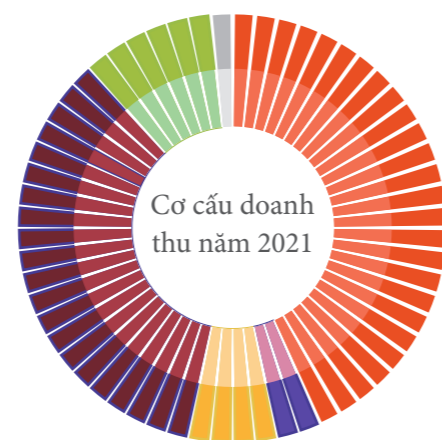
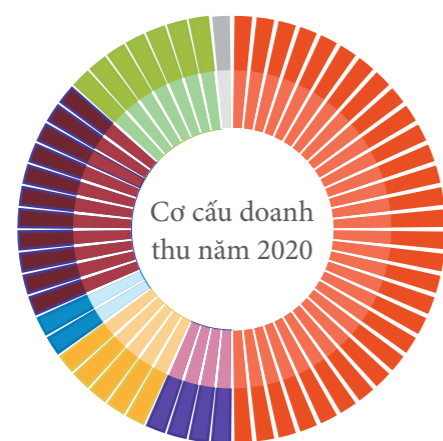
Tại công ty con: Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) Sản phẩm mủ cao su các loại bán ra tăng 4%; Giá bán sản phẩm mủ cao su các loại bán ra tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.



Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu theo Báo cáo Công ty mẹ

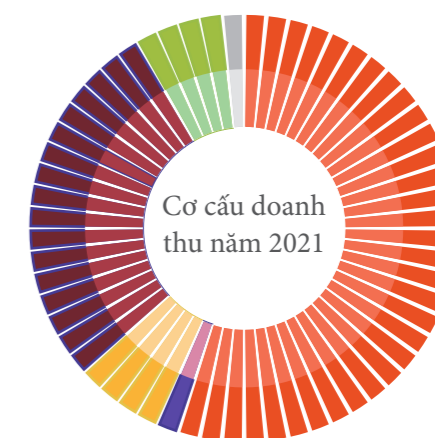
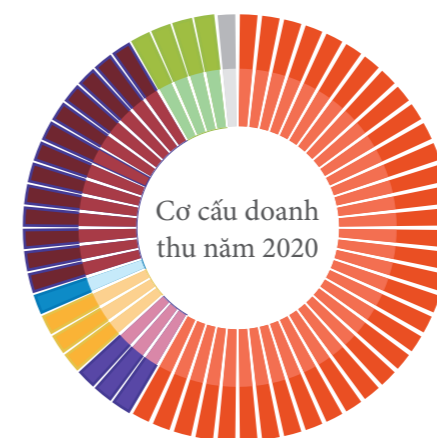
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Năm 2021	
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán mủ cao su	Triệu đồng	201.760	49,86%	285.036	44,60%
2	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	Triệu đồng	18.922	4,68%	8.094	1,27%
3	Doanh thu bán chuối	Triệu đồng	20.704	5,12%	29.112	4,56%
4	Doanh thu bán chanh dây	Triệu đồng	4.275	1,06%	-	-
5	Doanh thu sản phẩm chỉ thun	Triệu đồng	122.946	30,39%	271.194	42,44%
6	Doanh thu cho thuê đất trồng xen	Triệu đồng	35.494	8,77%	45.398	7,10%
7	Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	523	0,13%	197	0,03%
Tổng cộng		Triệu đồng	404.624	100,00%	639.031	100,00%



- DT bán mủ cao su
- DT dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch
- DT bán chuối
- DT bán chanh dây
- DT bán chỉ thun
- DT cho thuê đất trồng xen
- DT khác

Cơ cấu doanh thu theo Báo cáo hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Năm 2021	
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán mủ cao su	Triệu đồng	715.841	77,92%	958.217	72,14%
2	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	Triệu đồng	18.921	2,06%	8.093	0,61%
3	Doanh thu bán chuối	Triệu đồng	20.704	2,25%	46.240	3,48%
4	Doanh thu bán chanh dây	Triệu đồng	4.275	0,47%	-	-
5	Doanh thu sản phẩm chỉ thun	Triệu đồng	122.946	13,38%	271.194	20,42%
6	Doanh thu cho thuê đất trồng xen	Triệu đồng	35.493	3,86%	44.265	3,33%
7	Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	523	0,06%	196	0,01%
Tổng cộng		Triệu đồng	918.706	100,00%	1.328.207	100,00%



- DT bán mủ cao su
- DT dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch
- DT bán chuối
- DT bán chanh dây
- DT bán chỉ thun
- DT cho thuê đất trồng xen
- DT khác

Tổ chức nhân sự

Danh sách ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc - Kiêm Thành viên HĐQT
2	Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc - Kiêm Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng - Kiêm Thành viên HĐQT



ÔNG BÙI QUANG NINH

Tổng Giám đốc - Kiêm Thành viên HĐQT

Năm sinh	10/08/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1989 - 1998	Nông trường Cao su Cư Bao - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 1999 - 2007	Phó Phòng Tài chính kế toán - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 2008 - 2010	Trưởng Phòng Tài chính kế toán - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 2011 - tháng 05 năm 2012	Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 6 năm 2012 - tháng 05 năm 2015	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 6 năm 2015 - tháng 09 năm 2018	Tổng Giám đốc- Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Bí thư đảng ủy, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch Quý Tín dung Cao su Đắk Lắk; Chủ tịch Công ty Cổ phần chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk;
Số cổ phần cá nhân sở hữu	6.600 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	61.659.408 cổ phần (tương ứng chiếm 39,02 % vốn điều lệ)



ÔNG NGUYỄN ĐỘ

Phó Tổng Giám đốc - Kiêm Thành viên HĐQT

Năm sinh	02/03/1966
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
Từ 1989 - 1996	Nông trường Cao su Phú Xuân - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 1996 - 1997	Nhà máy chế biến - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01 năm 1998 - tháng 09 năm 1998	Trung tâm ĐT&PT Cao su EaHding - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 1999 - tháng 9 năm 2018	Nông trường Cao su Cuôr Đàng - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	4.700 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0032 % vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0



ÔNG NGUYỄN MINH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	25/01/1970
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
1996 - 1998	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Kỹ thuật Công ty cao su Đắk Lắk
1998-2000	Phó ban chỉ đạo tại Nông trường cao su ĐăkMil trực thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
2000-2006	Phó Giám đốc tại Nông trường cao su ĐăkMil trực thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk
2006	Phó Giám đốc Dự án tỉnh Champasak Salanan- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào
2007-2008	Giám đốc Nông trường III- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào
2008-2010	Phó Giám đốc Chi nhánh Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Kon Tum
2010-2013	Giám đốc Chi nhánh Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk tại Kon Tum
2013-2015	Giám đốc Chi nhánh Cty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Nông trường 30/4
2015 - tháng 10/2021	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.
Tháng 11/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	2.000 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0012 % vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0

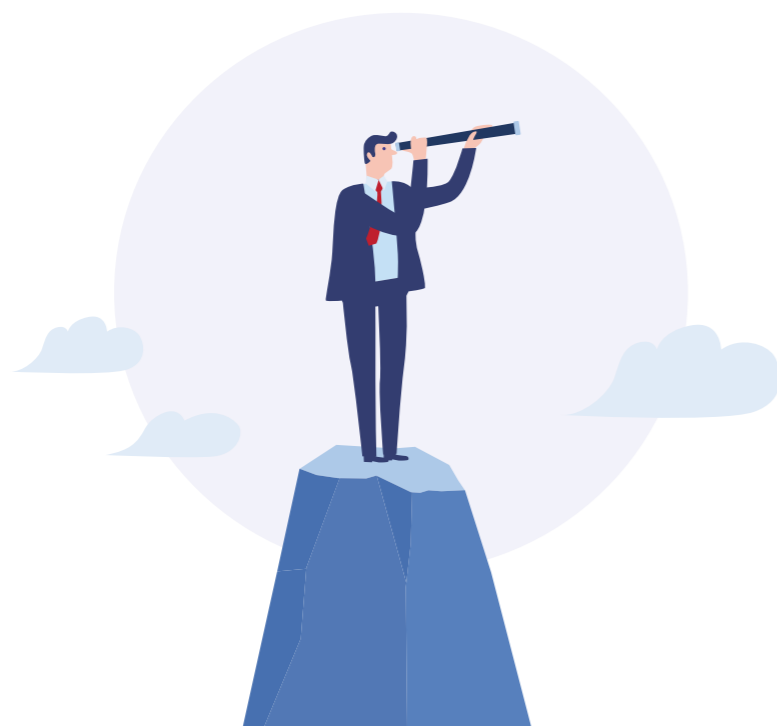
Tổ chức nhân sự



ÔNG NGUYỄN TRẦN GIANG

Kế toán trưởng - Kiểm Thành viên HĐQT

Năm sinh	16/04/1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác	
Từ tháng 8/2003 - tháng 7/2005	Công tác tại phòng kế toán Công ty xăng dầu Đắk Lắk (Nay là Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên)
Từ tháng 09/2005 - tháng 04/2010	Phòng Kế toán tài vụ - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01/2011 - tháng 12/2013	Trưởng Bộ phận Tài chính - Kế hoạch - Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01/2014 - tháng 9/2018	Phó Phòng Tài chính -Kế toán Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10/2018 - Tháng 5/2019	Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 5/2019 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	Không
Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	0



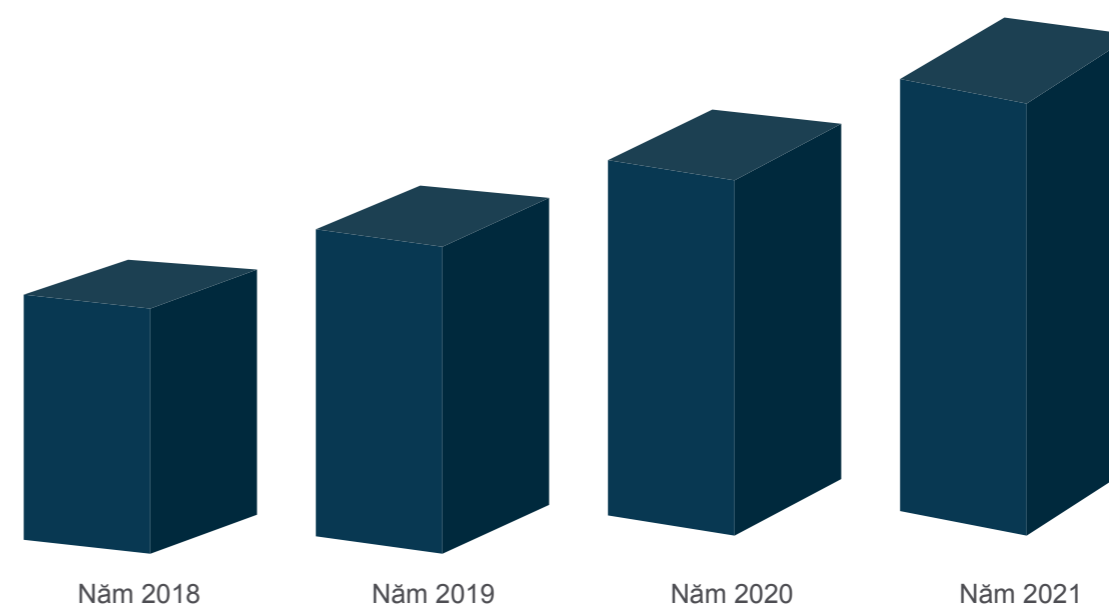
Số cán bộ, nhân viên (Tại thời điểm 31/12/2021):

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động của Công ty là 2.642 người, với cơ cấu phân theo: giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I THEO TRÌNH CHUYÊN MÔN		2.642	100,00%
1	Trên Đại học	12	0,45%
2	Trình độ Đại học	217	8,21%
3	Trình độ cao đẳng	81	3,07%
5	Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	1.910	72,30%
6	Lao động phổ thông	422	15,97%
II THEO GIỚI TÍNH		2.642	100,00%
1	Nam	1.128	42,7%
2	Nữ	1.524	57,3%

Thu nhập bình quân qua các năm:

Thu nhập bình quân	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đồng/ người / tháng	5.147.000	6.290.000	6.880.000	7.440.000



Công tác nhân sự - pháp chế

Công tác nhân sự

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự; đào tạo cán bộ nguồn cho các lĩnh vực cũng như cán bộ lãnh đạo quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý trong Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty khi ĐHCĐ thông qua. Ban hành quy chế đánh giá thành viên HĐQT, người quản trị doanh nghiệp và người đại diện vốn của Dakruco tại các doanh nghiệp có vốn góp của Dakruco.
- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành. Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất các chi nhánh nhằm bảo đảm các chế độ chính sách đến người lao động. Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định, tạo quan hệ lao động dân chủ tại nơi làm việc. Thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích người lao động trong sản xuất.
- Rà soát điều chỉnh, bổ sung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế có liên quan đến chế độ chính sách người lao động cho kịp thời, phù hợp theo quy định hiện hành của pháp luật áp dụng từ năm 2021. Đồng thời hướng dẫn đơn vị thực hiện chế độ chính sách về nghỉ phép theo qui định.
- Hàng năm, tùy theo đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế, Công ty có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV Công ty. Cụ thể như sau:
 - + Công ty hỗ trợ toàn bộ kinh phí, thời gian đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và bồi dưỡng nghiệp vụ khác đối với CBCNV thuộc diện quy hoạch của Công ty.
 - + Cử CBCNV tham gia các lớp tập huấn, huấn luyện nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng làm việc cho nhân viên nghiệp vụ của Công ty; Hàng năm Công ty tổ chức các lớp đào tạo nội bộ về ISO, về phát triển bền vững... đào tạo thợ cạo mũ, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động...

- + Đối với những trường hợp không thuộc diện được Công ty cử đi đào tạo mà cá nhân có nguyện vọng đi học và có đề xuất thì tùy từng trường hợp cụ thể, Công ty xem xét tạo điều kiện về thời gian và có thể hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đào tạo.
- + 80% trở lên công nhân thường xuyên được tập huấn, nâng cao tay nghề, thi nâng bậc theo định kỳ; lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả.
- + Năm 2021, tiếp tục triển khai Chương trình phát triển cao su bền vững, Công ty đã mời chuyên gia về mở lớp nâng cao nhận thức về phát triển bền vững cho toàn bộ cán bộ chủ chốt các cấp của Công ty; đồng thời cử cán bộ trong Ban Chỉ đạo phát triển bền vững đi dự các hội thảo, tập huấn do PanNature phối hợp với Hiệp hội Cao su Việt Nam tổ chức. Cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về các Hiệp định Thương mại tự do như: CPTPP; EVFTA...
- + Đã bổ sung một Phó Tổng giám đốc; thành lập thêm Phòng Quản lý chất lượng và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng và đơn vị.



Công tác pháp chế

- Kịp thời phối hợp với các ngành chức năng của các huyện, của tỉnh có liên quan để giải quyết các hồ sơ tranh chấp, lấn chiếm đất đai, phá hoại vườn cây cao su khi có phát sinh. Cung cấp hồ sơ và tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để giải quyết và bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong các vụ việc liên quan đến Công ty. Thực hiện tốt công tác bảo vệ sản phẩm, vườn cây, PCCC, ANTT trên địa bàn Công ty.
- Góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn, giúp người lao động của Dakruco nâng cao cảnh giác, nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với Công an tỉnh và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ ANCT - TTATXH đặc biệt là trong các dịp nghỉ Lễ, Tết và các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước. Năm 2021, tổ chức huấn luyện Dân quân tự vệ theo chỉ đạo của cơ quan Quân sự các cấp.



Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

DRG chi trả đầy đủ chế độ lương, thưởng theo quy định của pháp luật. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động. Hàng năm, Công ty còn có các chính sách thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, 30/4, 1/5,... Hỗ trợ thu nhập khi nghỉ thai sản, hỗ trợ và động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6 ... tổ chức các đợt nghỉ mát, du lịch cho công nhân viên trong năm; duy trì thường xuyên chương trình hỗ trợ cá nhân và gia đình người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, tai nạn.... Ngoài ra, Công ty còn chấp hành đầy đủ chính các chính sách BHXH, BHYT, BHTN... Thường xuyên tổ chức phong trào thi đua trong toàn đơn vị, xây dựng môi trường làm việc hiệu quả. Thực hiện nếp sống văn minh, môi trường văn hóa doanh nghiệp.

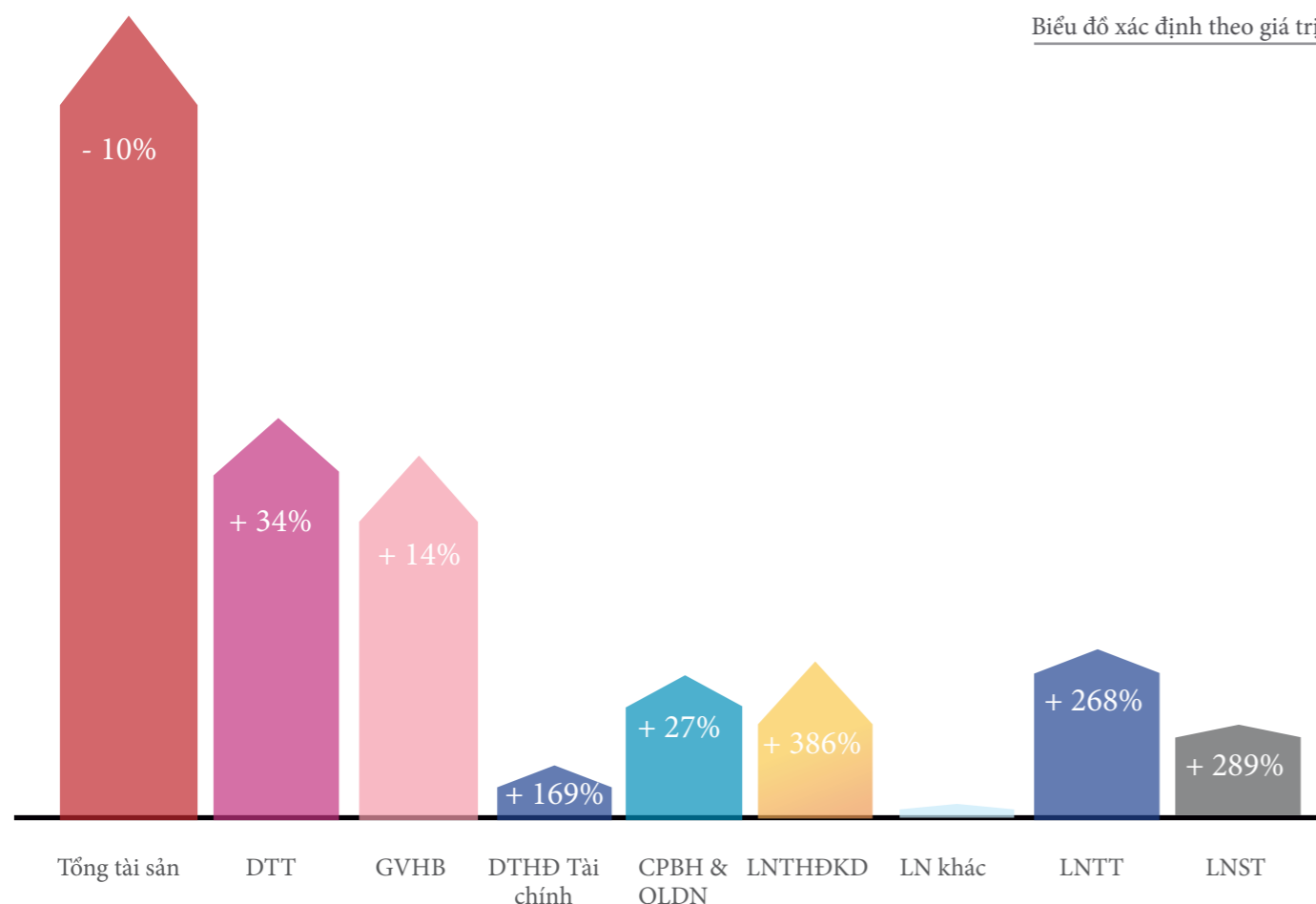
Có quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ giữa người lao động và người sử dụng lao động; Xây dựng và thực hiện tốt nội quy lao động; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; 90% trở lên người sử dụng lao động và người lao động thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Không có người mắc các tệ nạn xã hội; không sử dụng, tàng trữ, luân chuyển các sản phẩm văn hóa độc hại; đảm bảo trật tự an ninh, an toàn xã hội; Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật; khuôn viên doanh nghiệp xanh, sạch, đẹp; toàn Công ty đã không còn sử dụng chai nước bằng nhựa, kể từ năm 2019 cho đến nay. Không hút thuốc lá trong phòng làm việc; không uống rượu, bia trong giờ làm việc; Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người lao động; 100% công nhân lao động được ký kết hợp đồng lao động, có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định; được khám sức khỏe định kỳ; các công nhân nữ có chính sách hỗ trợ riêng... Tạo thuận lợi cho công nhân về nơi làm việc, nhà ở; sinh hoạt đoàn thể; hỗ trợ công nhân lúc khó khăn, hoạn nạn; Đảm bảo cơ sở vật chất hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan du lịch và vui chơi giải trí cho công nhân lao động.

Tình hình tài chính

Tình hình hoạt động tại Công ty con, Công ty liên kết

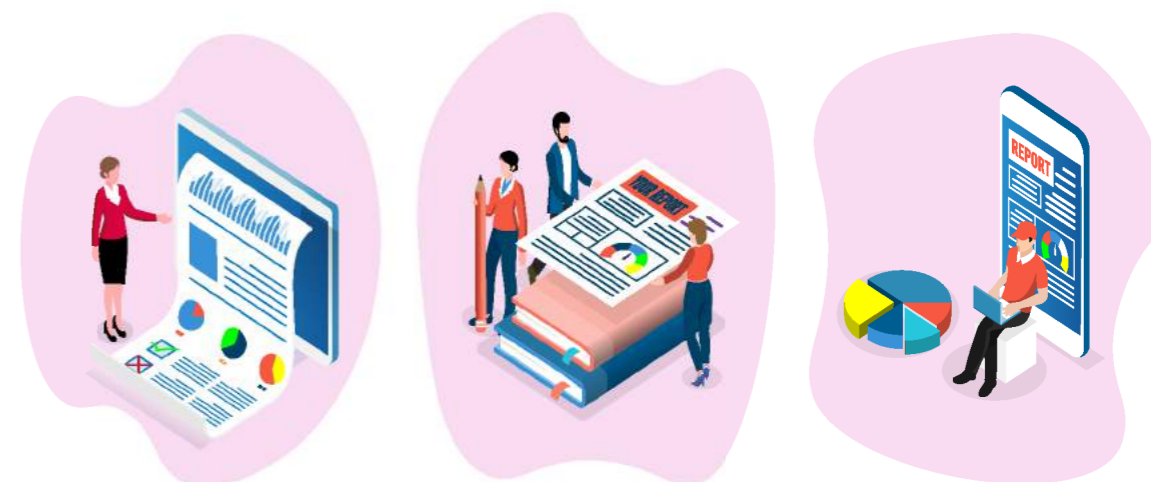
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	(%) TH 2021/2020
1	Tổng tài sản	1.647.784.924.726	1.481.119.802.000	90%
2	Doanh thu thuần	525.691.793.987	703.566.482.792	134%
3	Giá vốn hàng bán	402.322.025.451	457.758.626.511	114%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	8.461.848.479	22.781.516.072	269%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	103.634.459.825	131.442.529.851	127%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.197.157.191	137.146.842.502	486%
7	Lợi nhuận khác	9.787.063.130	2.483.972.281	25%
8	Lợi nhuận trước thuế	37.984.220.320	139.630.814.783	368%
9	Lợi nhuận sau thuế	27.245.700.773	106.117.715.134	389%

Biểu đồ xác định theo giá trị



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Báo cáo hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,49	0,68
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,26	0,38
2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,38	0,35
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	0,61	0,55
3. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,19	5,56
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,30	0,45
4. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/ DTT	%	3,8	9,78
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	1,8	6,9
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,1	4,4
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	-	7,14



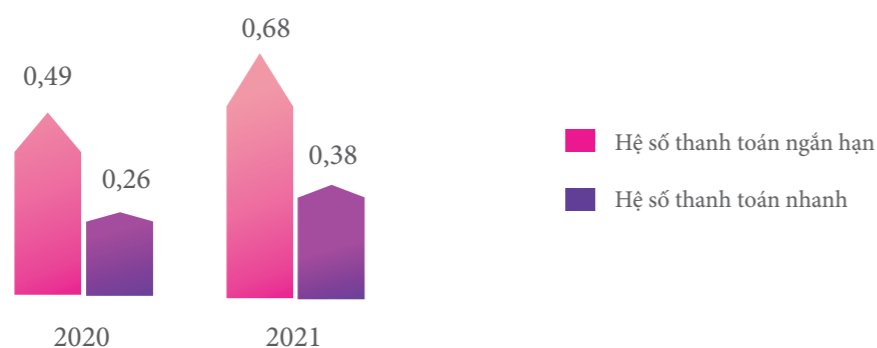
Tình hình tài chính



Khả năng thanh toán

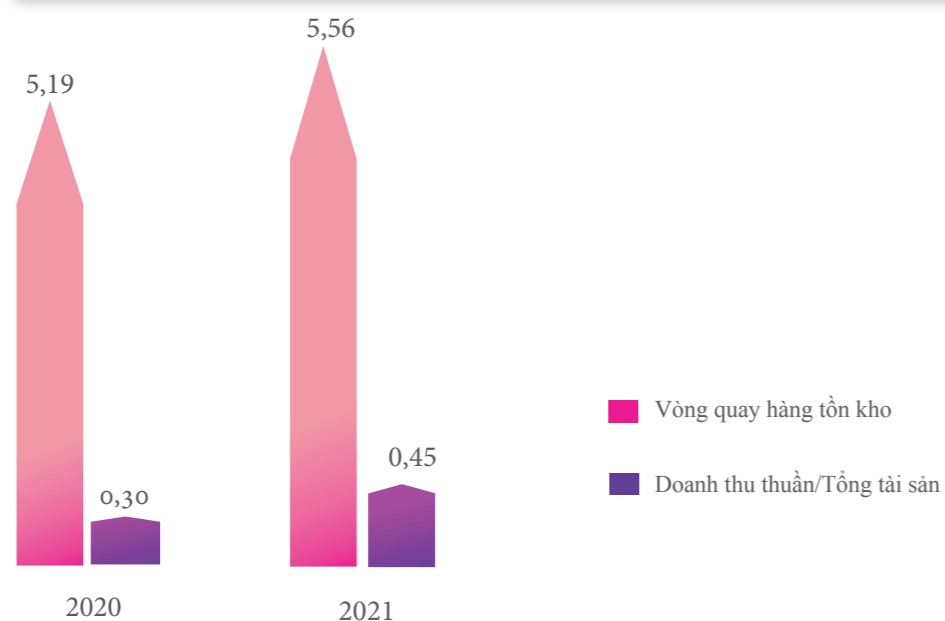
Chỉ tiêu khả năng thanh toán năm 2021 tăng tốt so với cùng kỳ năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,49 lần lên 0,68 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,26 lần lên 0,38 lần. Nguyên nhân là do trong năm tài sản ngắn hạn tăng và nợ ngắn hạn giảm. Cụ thể, khoản mục tiền tăng 130,39%, đạt 155,92 tỷ đồng; hàng tồn kho tăng 32,03%, từ 162,31 tỷ đồng lên 214,30 tỷ đồng, hàng tồn kho tăng lên do Công ty tăng lượng hàng tích trữ vào dịp cuối năm để phục vụ cung cấp

Nợ ngắn hạn của DRG giảm 3,77%; cụ thể vay ngắn hạn giảm từ 425,17 tỷ đồng xuống còn 365,34 tỷ đồng theo chủ trương giảm đòn bẩy tài chính của Công ty nhằm duy trì sự an toàn tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán.



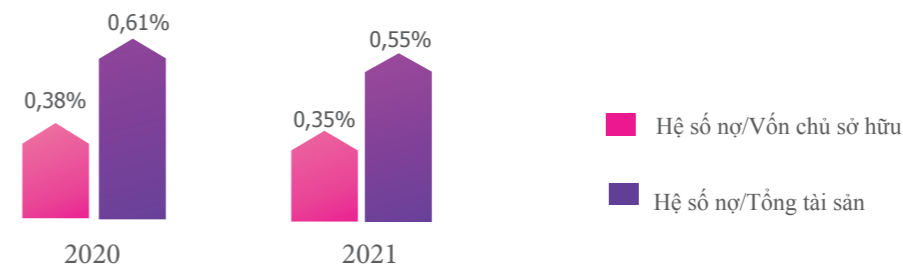
Năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của Công ty có diễn biến tốt hơn so với năm trước, cụ thể vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,19 vòng lên 5,56 vòng; vòng quay tài sản tăng từ 0,30 vòng lên 0,45 vòng. Sự thay đổi này đến từ sự tăng nhẹ của hàng tồn kho vào thời điểm cuối năm và sự tăng mạnh doanh thu thuần so với năm 2020, cụ thể hàng tồn kho 32,03% và doanh thu thuần tăng 44,49% so với cùng kỳ năm trước.



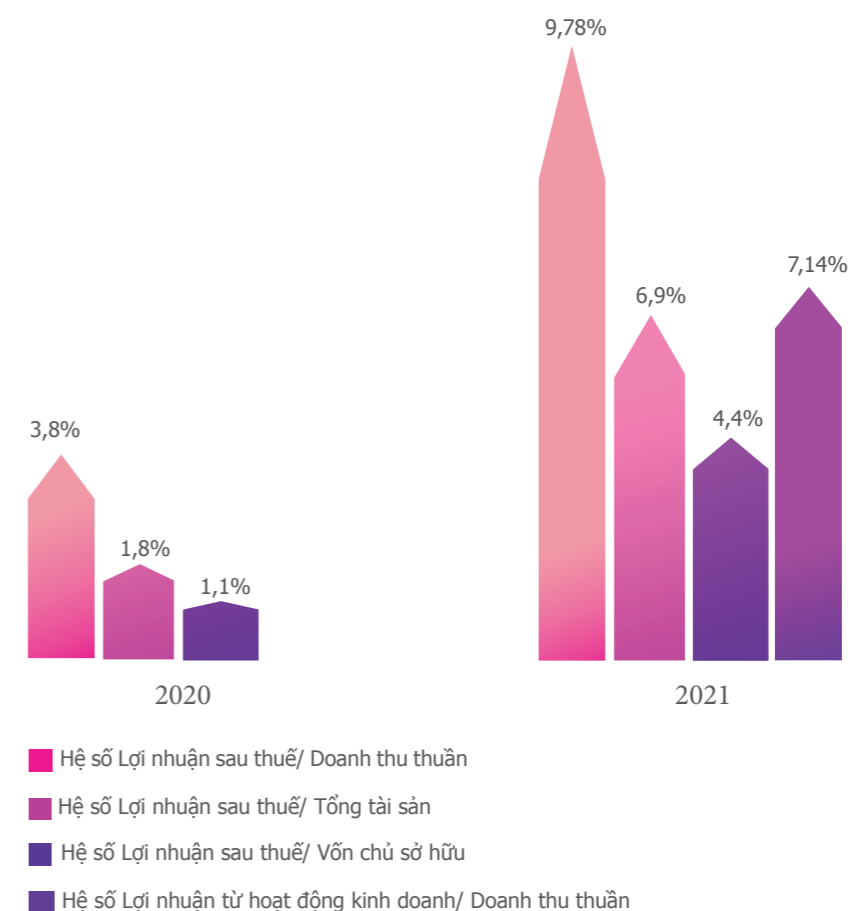
Cơ cấu vốn

Chỉ tiêu cơ cấu vốn của DRG trong năm 2021 không có biến động nhiều. Hệ số nợ/Tổng tài sản đạt 0,35 lần. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 0,61 lần xuống 0,55 lần. Nhìn chung, cơ cấu nợ năm 2021 có xu hướng giảm so với năm trước, điều này là do chính sách cân đối cơ cấu nợ và duy trì an toàn tài chính của Công ty.



Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu khả năng sinh lời của DRG có biến động lớn với sự hưởng chung tăng mạnh. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 3,8% lên 9,78%; hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng đạt mức 1,8% lên mức 6,9%; hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ mức 1,1% lên mức 4,4%, lợi nhuận trước thuế là 61,4 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch, tăng 208% so với năm 2020 (29,6 tỷ đồng).



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông trong nước	1.462	155.795.500	99,9971%
	Tổ chức	1	154.141.600	98,9356%
	Cá nhân	1.461	1.605.900	1,0307%
2	Cổ đông nước ngoài	4	4.500	0,0029%
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	4	4.500	0,0029%
	Tổng cộng	1.466	155.800.000	100,00%

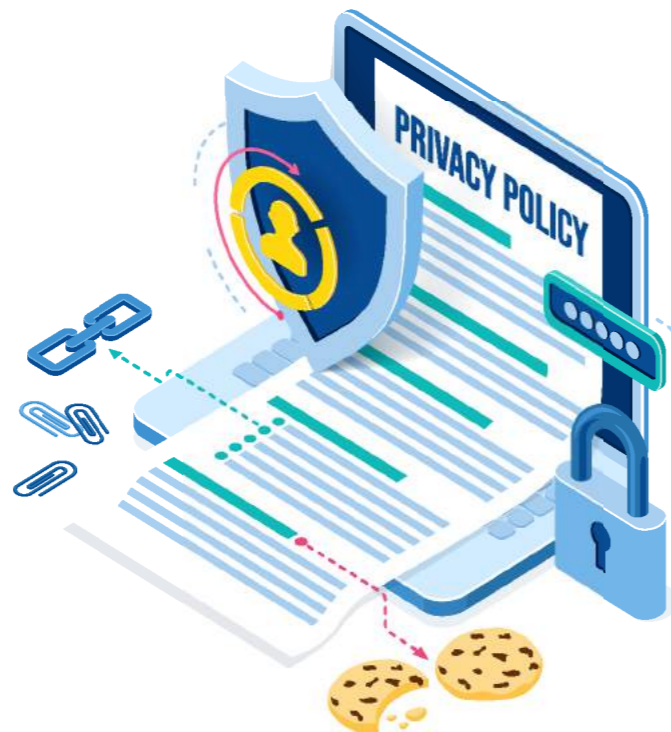
Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Số 09 Lê Duẩn, Tụ An, TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	154.141.600	98,94%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Dakruco xác định trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và người lao động là kim chỉ nam để Công ty phát triển bền vững. Công ty vẫn luôn hoạt động theo đúng quy định của pháp luật về môi trường xã hội và đáp ứng đầy đủ các chính sách tốt nhất đối với người lao động.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường, tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh Nhà máy chế biến mù, Nhà máy chế biến chỉ thun và văn phòng Công ty, các chi nhánh... nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh; duy trì việc không sử dụng chai nước bằng nhựa. Hàng năm, Công ty đều thực hiện đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của ngành và cơ quan quản lý.

Dakruco luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty, Dakruco luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và tập thể của các đơn vị trong toàn Công ty hoạt động tích cực và hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình và đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty; hỗ trợ hàng tháng cho các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn và người lao động khi ốm đau, tai nạn...

Thực hiện chương trình sát nhập IOS 9001:2015 của Nhà máy chỉ thun vào Công ty; thực hiện các cuộc đánh giá nội bộ về IOS 9001:2015 và 1400:2015. Hoàn thiện hồ sơ để TTCN phù hợp (Quacert) đánh giá chứng nhận lại toàn bộ hệ thống QLCL và QLMT theo quy định.

Hiệp hội cao su Việt Nam tiếp tục duy trì chứng nhận Nhãn hiệu cao su Việt Nam đối với 4 sản phẩm của công ty đã được chứng nhận. Sản phẩm chuỗi đạt tiêu chuẩn VietGap.

Công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy chế biến mù cao su được tuân thủ theo đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đánh giá Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định pháp luật về môi trường.





DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá tình hình chung:

Năm 2021, nền kinh tế thế giới phải chịu nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng từ các đợt bùng dịch Covid-19, các hoạt động sản xuất, thương mại toàn cầu đều bị ảnh hưởng nặng nề dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng. Mất cân đối cung – cầu kéo theo tình trạng thiếu hụt container khiến chi phí logistics tăng cao. Đây là những khó khăn chung mà các doanh nghiệp sản xuất phải đối mặt.

Năm nay, cũng là năm có nhiều biến động về giá nguyên vật liệu, giá dầu tăng cao dẫn đến giá cao su tăng, đây là điều tích cực đối với các doanh nghiệp ngành cao su. Bên cạnh đó, các nước xuất khẩu cao su lớn trên thế giới như Thái Lan, Indonesia... bùng phát dịch nặng nề dẫn đến thiếu hụt nguồn cung trên thế giới và tạo nhiều dư địa cho các doanh nghiệp cao su Việt Nam. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc năm 2021 diễn biến tích cực hơn so với năm 2020.



Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 2,58%, mặt bằng lãi suất và tỷ giá được Ngân hàng Nhà nước giữ ở mức bình ổn, không biến động mạnh.
- Các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu của Việt Nam.
- Dự án cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiến triển tốt và áp dụng kỹ thuật canh tác mới vào trồng trọt, sẽ góp phần tăng doanh thu năm 2022 và là tiền đề để Dakruco mở rộng phạm vi kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm.
- Nhu cầu cao su trên thị trường thế giới đang phục hồi do hầu hết các quốc gia đang đẩy mạnh sản xuất bù đắp tăng trưởng sau khi kiểm soát dịch bệnh năm 2021. Tình trạng thiếu hụt nguồn cung trên thế giới, giá dầu tăng cao kéo theo giá cao su tổng hợp tăng (sản phẩm thay thế cao su tự nhiên), tạo lợi thế cạnh tranh cho cao su thiên nhiên.
- Trung Quốc tiêu thụ khoảng 500.000 tấn nhưng vẫn thiếu khoảng 385.000 tấn cao su thiên nhiên mỗi tháng. Do đó, Trung Quốc dự kiến nhập khẩu 1,7 triệu tấn mủ cao su thiếu hụt và thêm 2 triệu tấn để đáp ứng nhu cầu cao su trong nước từ tháng 1-4/2022. Vì vậy, tạo nhiều dư địa xuất khẩu cao su Việt Nam trong năm 2022.

Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty, DRG luôn phải đảm bảo tình hình hoạt động sản xuất không bị đứt quãng nhưng phải đảm bảo an toàn cho các cán bộ công nhân viên Công ty.
- Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, GDP Việt Nam tăng 2,58%. Kết quả này thấp hơn so với năm 2020 (2,91%) và là mức thấp nhất cả giai đoạn 2011-2021. Tuy nhiên, đây chỉ là khó khăn trong ngắn hạn vì dịch bệnh bùng phát nặng nề ở Việt Nam và được kỳ vọng phục hồi vào năm sau.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 15/12 phát đi nhiều tín hiệu cho thấy chính sách tiền tệ siêu lỏng lẻo thời đại dịch Covid-19 của ngân hàng trung ương này đang bắt đầu khép lại. Từ siêu nới lỏng, chính sách của Fed sẽ chuyển sang thắt lại để chống sự leo thang chóng mặt của giá cả. Dự báo được Fed đưa ra cho thấy các quan chức Fed tính nâng lãi suất 5 lần trong năm 2022, 2 lần trong năm 2023, và 2 lần nữa trong năm 2024. Hành động của Fed sẽ tác động đến chính sách tiền tệ của Việt Nam, điều này sẽ gây khó khăn về mặt bằng lãi suất trong tương lai và làm ảnh hưởng đến lãi vay khi Công ty vay vốn ngân hàng để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân công tăng cao, làm gia tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của DRG.
- Vườn cây đưa vào khai thác trong những năm đầu, năng suất thấp, nên sản lượng chưa cao; tình hình thời tiết, dịch bệnh trên vườn cây diễn biến phức tạp, cộng với dịch bệnh trên cây trồng, ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng mủ khai thác cũng như sản lượng chuỗi.
- Thị phần tiêu thụ cao su trong nước còn kém phát triển, chủ yếu vào các sản phẩm như Săm lốp xe, găng tay, nệm mút... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng đã hạn chế khả năng phát triển của ngành cao su trong nước nói chung và Công ty cổ phần cao su Đắc Lắc nói riêng.
- Chi phí logistics tăng cao, tình trạng thiếu container vận chuyển và khó vận chuyển vào các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu... vì tình trạng bùng phát Sars-Cov2 gia tăng, làm giảm sự phục hồi hình thái của khu vực.
- Công tác triển khai thoái vốn DRI và bán cụm khách sạn, Văn phòng Dakruco chưa thực hiện được do chưa có ý kiến của Ủy ban chứng khoán và UBND tỉnh, nên bị chậm tiến độ, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công tác điều hành sản xuất:

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ về chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả SXKD có lãi theo kế hoạch; tăng cường công tác thu mua mủ nguyên liệu làm giảm định phí trên đầu tấn sản phẩm; tập trung chăm sóc vườn cây và phòng, chống bệnh hại trên vườn; nghiên cứu thay đổi quy trình kỹ thuật khai thác mủ cao su, nhằm nâng cao năng suất, đảm bảo vườn cây sinh trưởng ổn định.
- Duy trì chứng nhận nhãn hiệu Cao su Việt Nam và duy trì ổn định khách hàng cao su truyền thống; tìm hiểu nghiên cứu mở rộng phát triển thị trường đối với sản phẩm chỉ thun và sản phẩm cây ăn trái các loại để trực tiếp xuất khẩu. Tiếp tục duy trì chứng nhận VietGAP và hướng tới xây dựng chứng nhận GlobalGAP đối với sản phẩm chuối; gắn với việc đẩy mạnh tiếp thị và xuất khẩu chuối tươi sang thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản. Phát triển giống dứa MD2 để mở rộng diện tích vùng trồng dứa MD2.
- Chủ động kiểm tra, giám sát và hướng dẫn xử lý trong quá trình tổ chức sản xuất, thu hoạch, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm tại Dự án nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ Cao Nông trường Cư Bao.
- Triển khai Kế hoạch phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025, thuê tư vấn thiết lập hồ sơ cấp chứng chỉ FSC-FM cho sản phẩm gỗ, mủ cao su tại Nông trường 19/8; gắn với việc xây dựng và thực hiện Đề án củng cố, phát triển Công ty giai đoạn 2021- 2025.
- Thí điểm các ứng dụng phần mềm về quy trình quản trị Công ty theo hướng số hóa; khảo sát đánh giá và thuê tư vấn xây dựng phần mềm quy trình sản xuất và quản trị tại Nông trường 19/8.

Công tác đầu tư quản lý và sử dụng đất:

- Tập trung đầu tư theo kế hoạch vào các vườn cây KTCB đảm bảo sinh trưởng phát triển tốt, cắt giảm các khoản đầu tư xây dựng cơ bản chưa thật sự cần thiết để giảm áp lực về vốn. Tiếp tục duy trì các hợp đồng trồng xen trên vườn cao su tái canh, nhằm nâng hệ số sử dụng đất, tăng thu nhập cho Công ty và giảm chi phí đầu tư.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở phục vụ các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và đầu tư; theo dõi, giám sát quá trình thi công theo đúng quy định.
- Triển khai chủ trương quy hoạch, phát triển thêm các loại cây trồng thuộc Dự án nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ Cao tại Chi nhánh Nông trường Cư Mgar khi được UBND tỉnh cho phép; hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo định hướng của HĐQT.
- Quản lý sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt và bàn giao diện tích đất về địa phương theo phương án rà soát đất đai sau khi UBND tỉnh phê duyệt. Việc bàn giao đất đai đảm bảo không bị thiệt hại về tài chính và quyền lợi người lao động.

Công tác tài chính:

- Triển khai thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI, sau khi UBND tỉnh cho chủ trương, Công ty đã lập hồ sơ trình UBCKNN, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có thông báo về việc bán cổ phần của Dakruco đang sở hữu tại DRI; thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo kế hoạch của UBND tỉnh để vốn Nhà nước còn lại trên 75% vốn điều lệ, song hiện UBND tỉnh vẫn chưa có chủ trương. Cùng với việc tái cơ cấu nợ vay và tiếp cận các ngân hàng thương mại để vay vốn tái canh cây cao su; đầu tư dự án Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ Cao.
- Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản xuất ở mức thấp nhất có thể, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm. Cân đối dòng tiền, chủ động giảm, giãn tiến độ đầu tư một số hạng mục công trình chưa cần thiết.
- Tăng cường quản lý khối cao su liên kết, thu hồi nợ đầu tư và tiền bán cây cao su thanh lý, không để thất thoát tài sản.



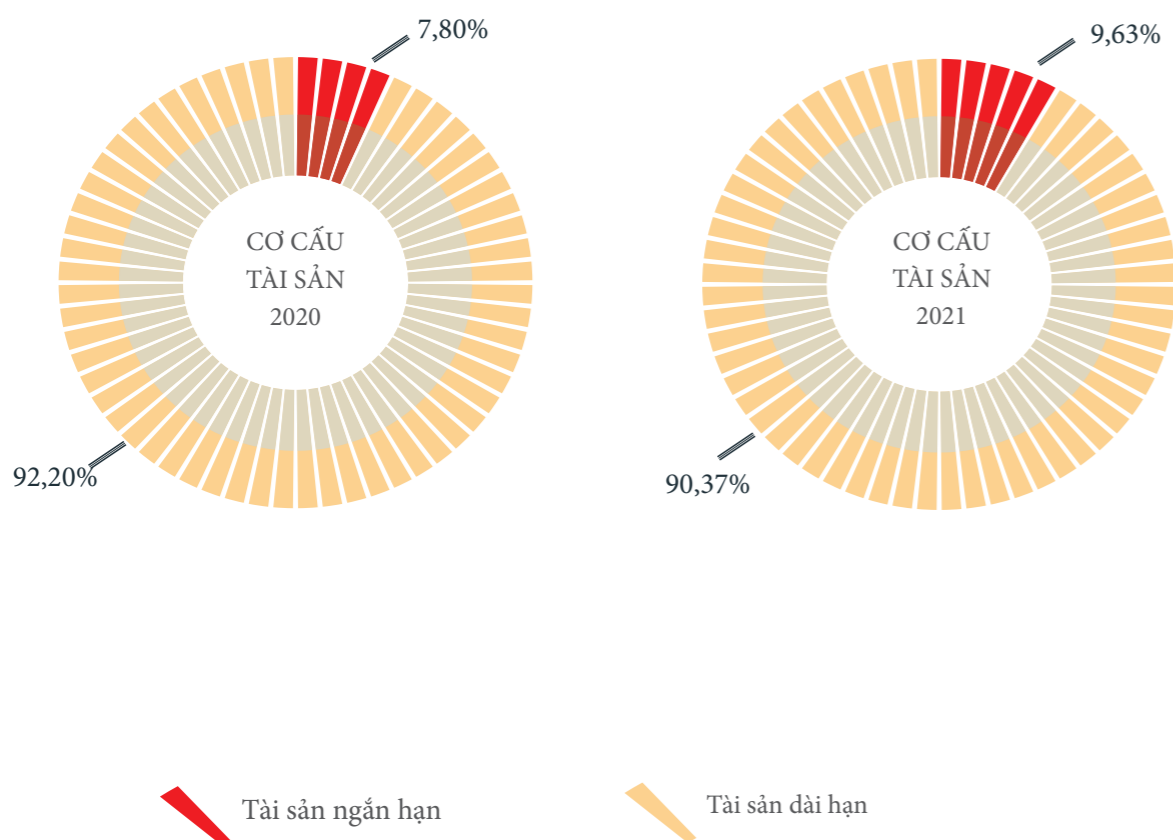
Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản (Theo báo cáo Công ty mẹ)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ giảm	Tỷ trọng	
					Năm 2020	Năm 2021
1	Tài sản ngắn hạn	179,766	227,554	26,58%	7,80%	9,63%
2	Tài sản dài hạn	2.123,786	2.135,340	0,54%	92,20%	90,37%
Tổng tài sản		2.303,553	2.362,895	2,58%	100,00%	100,00%
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản	1,16%	2,26%	94,79%		

Cơ cấu tài sản DRG vẫn duy trì ổn định, khi tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng với hơn 90% đạt 2.135,786 tỷ đồng, mức tăng chủ yếu đến từ hàng tồn kho tăng 36,74% từ 91,325 tỷ đồng lên 124,879 tỷ đồng và tài sản cố định hữu hình từ 413,393 tỷ đồng lên 534,985 tỷ đồng, tức tăng gần 30% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng 94,79% từ 1,16% lên 2,26%; lợi nhuận sau thuế tăng do trong kỳ Công ty thanh lý vườn cây cao su (172,5 ha) nên khoản lợi nhuận khác năm nay tăng cao so với năm trước đó.

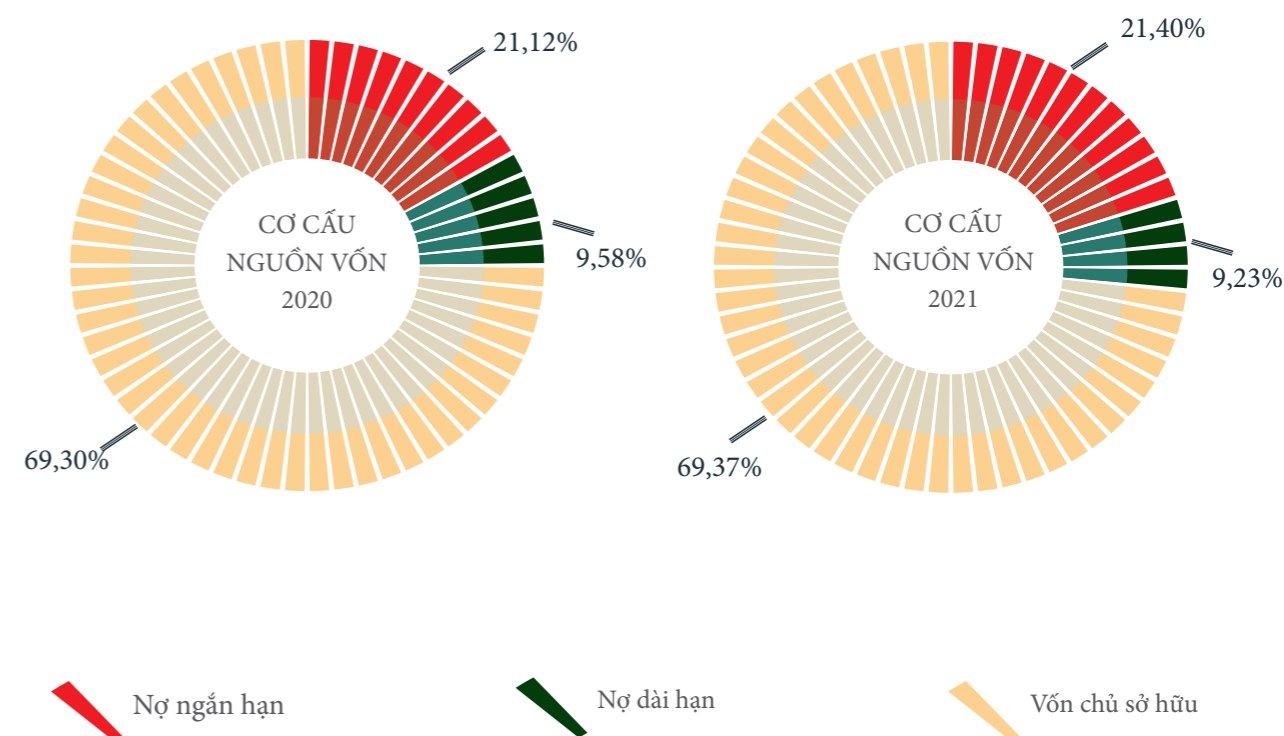


Cơ cấu nguồn vốn (Theo báo cáo Báo cáo Công ty mẹ)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ giảm	Tỷ trọng	
					Năm 2020	Năm 2021
1	Nợ ngắn hạn	486,581	505,788	3,95%	21,12%	21,40%
2	Nợ dài hạn	220,763	217,997	-1,25%	9,58%	9,23%
3	Tổng nợ	707,344	723,786	2,32%	30,70%	30,63%
4	Vốn chủ sở hữu	1.596,208	1.639,108	2,69%	69,30%	69,37%
Tổng nguồn vốn		2.303,553	2.362,895	2,58%	100,00%	100,00%

Cơ cấu nợ của Dakruco năm 2021, tỷ trọng lớn nhất vẫn là nợ ngắn hạn, chiếm đến 69,88% trên tổng nợ phải trả, tăng 3,95% so với năm 2020. Các khoản mục cấu thành nên cơ cấu nợ của Công ty đến từ các khoản vay ngắn hạn, chi phí phải trả cho Nhà nước, phải trả người lao động,... Đây cũng là nguyên nhân làm tổng nợ phải trả của DRG tăng nhẹ 2,32% so với năm 2020 mặc dù nợ vay dài hạn của Công ty trong năm có giảm nhẹ nhưng mức giảm không lớn bằng mức tăng của các khoản mục nợ ngắn hạn. Vốn chủ sở hữu của DRG vẫn duy trì ở mức trên 69%, tăng nhẹ 2,69% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và năm 2020 chuyển sang là 67.148.339.243 đồng. Tóm lại, trong năm vừa qua Công ty đã làm tốt công tác duy trì tính ổn định của cơ cấu nguồn vốn.



Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản (Theo báo cáo Báo cáo hợp nhất)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ giảm	Tỷ trọng	
					Năm 2020	Năm 2021
1	Tài sản ngắn hạn	352,599	476,729	35,20%	11,56%	16,42%
2	Tài sản dài hạn	2.693,456	2.426,061	-9,93%	88,44%	83,58%
	Tổng tài sản	3.046,055	2.902,790	-4,80%	100,00%	100,00%
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản	1,16%	4,47%	286,61%		

Tổng tài sản DRG vẫn duy trì ổn định, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 80% tổng tài sản. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 35,20% so với cùng kỳ 2020 từ 352,599 tỷ đồng lên 476,729 tỷ đồng, mức tăng chủ yếu đến từ hàng tồn kho (tăng 32,03%) và tiền từ hoạt động kinh doanh (tăng 136,03%). Qua đây có thể thấy, Năm 2021 là một năm hoạt động đầy hiệu quả của DRG khi lưu chuyển tiền thuần trong năm đạt 75,21 tỷ đồng, đóng góp vào chỉ tiêu tiền của Công ty tăng lên mức 155,927 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm Công ty có xu hướng gia tăng hàng tồn kho như các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng để chế biến mủ cao su (từ 24,239 tỷ đồng năm 2020 lên 53,301 năm 2021) nhằm tránh tình trạng tăng giá nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục kéo dài, điều này nhằm duy trì biên lãi gộp của Công ty.

Tài sản dài hạn giảm 9,93% so với cùng kỳ 2020 từ 2.693,456 tỷ đồng xuống 2.426,061 tỷ đồng, mức giảm chủ yếu đến từ chỉ tiêu tài sản cố định giảm 7,30% so với năm 2020, nguyên nhân là do trong năm Công ty thanh lý vườn cây cao su già cỗi; tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ mang về cho Công ty 134,33 tỷ đồng. Điều này dẫn đến hệ số LNST/Tổng tài sản tăng 286,61%, từ 1,16% năm 2020 lên 4,47% năm 2021; trong đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đóng góp 94,846 tỷ đồng và lợi nhuận khác đóng góp 76,524 tỷ đồng.

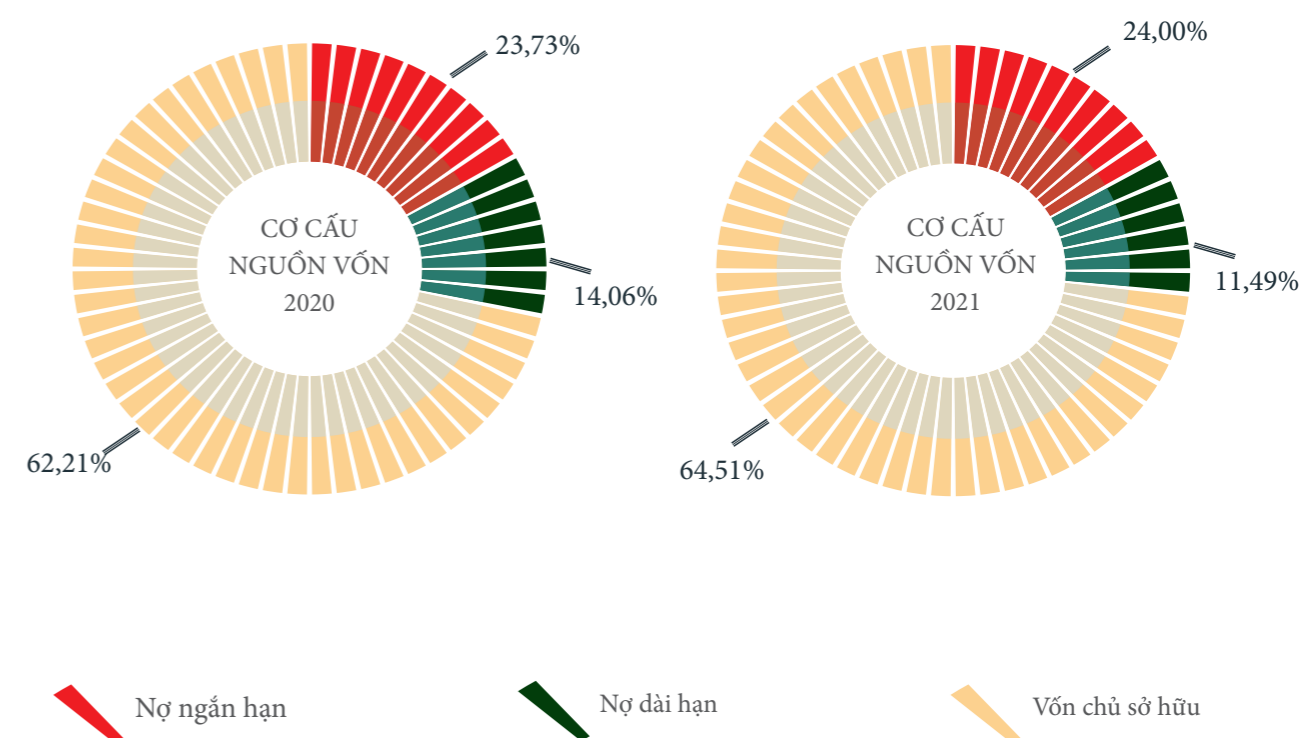
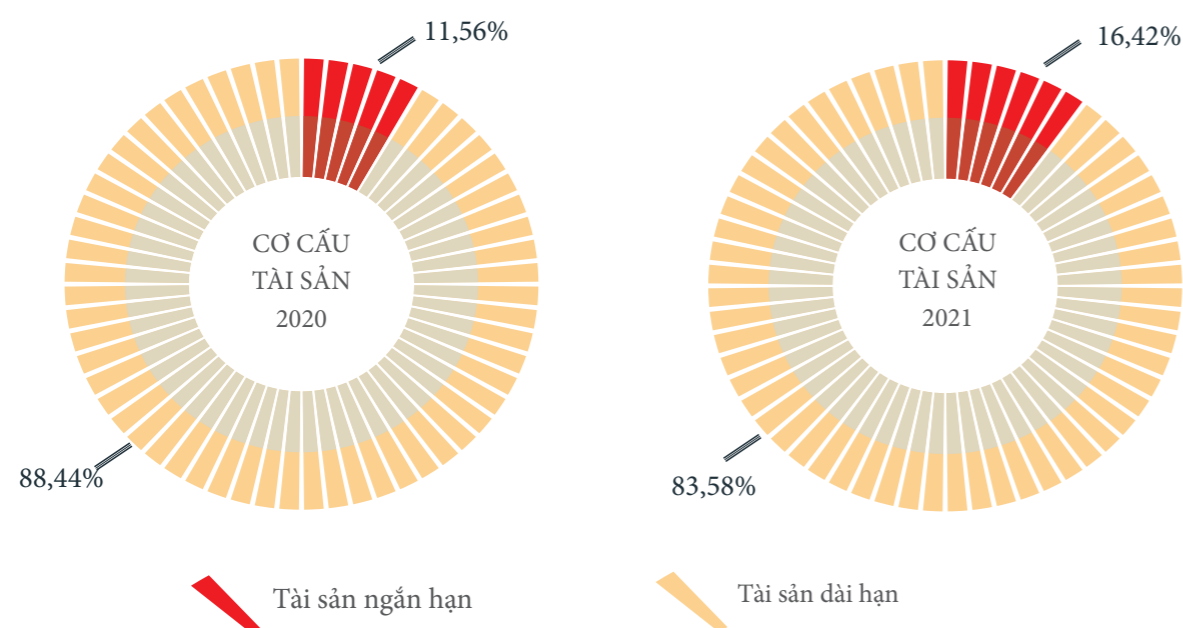
Cơ cấu nguồn vốn (Theo báo cáo Báo cáo hợp nhất)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ giảm	Tỷ trọng	
					Năm 2020	Năm 2021
1	Nợ ngắn hạn	723,693	696,442	-3,77%	23,73%	24,00%
2	Nợ dài hạn	428,597	333,524	-22,18%	14,06%	11,49%
3	Tổng nợ	1.152,291	1.029,967	-10,62%	37,79%	35,49%
4	Vốn chủ sở hữu	1.893,764	1.872,823	-1,30%	62,21%	64,51%
	Tổng nguồn vốn	2.902,790	3.046,055	-4,82%	100,00%	100,00%

Cơ cấu nguồn vốn của Dakruco năm 2021 giảm 4,82% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó tổng nợ phải trả giảm 10,62% từ 1.152,291 tỷ đồng (2020) xuống 1.029,967 tỷ đồng (2021) và vốn chủ sở hữu giảm 1,30% từ 1.872,823 tỷ đồng (2020) xuống 1.893,764 tỷ đồng (2021). Cụ thể, trong cơ cấu nợ, nợ ngắn hạn giảm 3,77% so với năm 2020, điều này là do chỉ tiêu vay ngắn hạn năm 2021 giảm 14,07% so với cùng kỳ năm ngoái; nợ dài hạn giảm 22,18% so với năm 2020, nguyên nhân là vay nợ dài hạn trong năm giảm 15,48% so 2020.

Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu năm 2021 giảm nhẹ 1,30% so với 2020, nguyên nhân đến từ Công ty lỗ tỷ giá hối đoái 173,734 tỷ đồng. Tóm lại, trong năm Công ty đã trả bớt 897,193 tỷ đồng nợ vay và lỗ tỷ giá hối đoái đã dẫn đến cơ cấu nguồn vốn giảm so với cùng kỳ năm ngoái.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm Công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, sắp xếp bộ máy gián tiếp tại một số chi nhánh, phòng ban theo hướng hiệu quả, thành lập thêm phòng Quản lý chất lượng, trên cơ sở tách ra từ Phòng Kỹ thuật; bổ sung thêm một Phó Tổng giám đốc; đào tạo cán bộ nguồn cho các lĩnh vực cũng như cán bộ lãnh đạo quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, DRG cũng hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý trong Công ty để phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sửa đổi sau cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường tiêu thụ và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành đưa ra mục tiêu trước mắt phấn đấu được cấp chứng chỉ FSC-FM cho 1000 ha sản phẩm gỗ, mùn cao su tại Nông trường 19/8 và Phú Xuân cùng với xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 và đã được HĐQT thông qua để trình ra cuộc họp ĐHĐCĐ như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
I	Diện tích khai thác		7.375,68
1	Diện tích cao su KTCB	Ha	4.475,88
2	Diện tích cao su trồng mới	Ha	131,81
3	Diện tích cao su khai thác	Ha	2.767,99
	+ Diện tích cao su khai thác	Ha	1.887,69
	+ Diện tích cao su mở mới	Ha	625,51
	+ Diện tích cao su cạo thanh lý	Ha	254,79
4	Năng suất bình quân	Tấn/Ha	1,71
II	Chỉ tiêu về sản lượng		16.464,12
1	Tổng sản lượng mùn cao su	Tấn	6.164,12
	+ Sản lượng chế biến	Tấn	6.164,12
	+ Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.100,00
	+ Xuất khẩu	Tấn	2.745,00
	+ Xuất bán nội địa	Tấn	3.355,00
2	Tổng sản lượng sợi chỉ thun	Tấn	2.900,00
3	Tổng sản lượng trái cây	Tấn	7.400,00
	+ Tổng sản lượng chuối	Tấn	6.600,00
	+ Tổng sản lượng mít	Tấn	700,00
	+ Tổng sản lượng dứa	Tấn	100,00
III	Chỉ tiêu về kết quả kinh doanh		
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	700.000
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	614.269
3	Chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	85.731
4	Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	71.487
5	Tỷ lệ chia cổ tức		Tạm thời chưa chia cổ tức, đợi khi tình hình thanh khoản Công ty tốt lên.

Kế hoạch phát triển trong tương lai



Các biện pháp thực hiện:

Về triển khai nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2022:

- Linh hoạt trong quản lý, điều hành phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19; không để đứt gãy chuỗi sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục khắc phục các tồn tại khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/-UBND, ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh;
- Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển cao su bền vững theo kế hoạch đã ban hành, trước mắt phấn đấu để được cấp chứng chỉ FSC-FM sản phẩm gỗ, mủ tại Nông trường 19/8 và Phú Xuân; FSC-CoC nhà máy chế biến mủ và thương mại của Công ty;
- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2020-2025, trong đó tập trung nhiệm vụ thoái vốn, bán tài sản (DRI, Khách sạn Dakruco và Khố văn phòng công ty); tiếp cận các ngân hàng thương mại vay vốn để đầu tư dự án cao su tái canh và thực hiện đầu tư các dự án Nông nghiệp CNC; quy hoạch và triển khai đầu tư văn phòng Công ty tại Nông trường 30/4.

- Ngay sau khi có chủ trương của UBND tỉnh, triển khai Dự án Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ Cao tại Nông trường Cư Mgar; gắn với đầu tư nhà máy chế biến trái cây và nhà máy phân bón. Trước mắt, phát triển diện tích Dừa MD2 trồng xen trên vườn cao su tái canh năm 2022 tại Nông trường Cư Mgar.
- Đầu tư xử lý hệ thống nước thải và quan trắc môi trường tại Nhà máy chế biến mủ; hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến chỉ thun.



- Kiện toàn tổ chức bộ máy, trong đó có kiện toàn nhân sự Ban Kiểm soát, trình ĐHĐCĐ để tăng trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo hướng tập trung vào công tác quản trị rủi ro; đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty để phù hợp với đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2020-2025. Thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; rà soát, quy hoạch, luân chuyển để đào tạo cán bộ quản lý các cấp của Công ty.
- Tập trung chỉ đạo để Chi nhánh Nhà máy chế biến chỉ thun; Chi nhánh Nông trường Cư Bao và Dakmoruco sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn. Đầu tư nhà ở, nhà làm việc, trạm y tế và nhà máy chế biến mủ cho Dakmoruco.



Về việc giám sát triển khai nhiệm vụ:

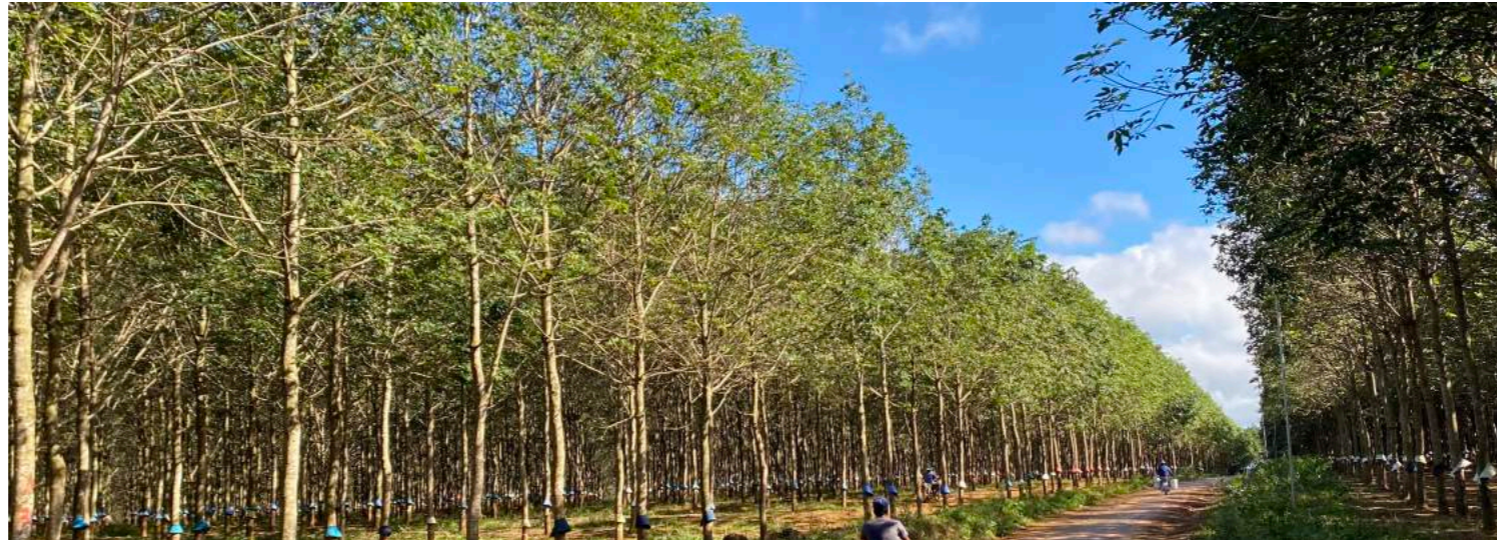
- Tiếp tục làm việc với các Sở ngành, địa phương huyện, UBND tỉnh để giải quyết các nội dung đến nay vẫn chưa xử lý dứt điểm, trong đó có Phương án sử dụng đất đai sau cổ phần hóa; các thủ tục đầu tư; các vướng mắc trong các vụ lấn chiếm đất đai...
- Khảo sát đánh giá hiện trạng và hồ sơ đất đai tại chi nhánh Nông trường 19/8 đang cho các hộ gia đình hợp đồng liên kết trồng cà phê, đối chiếu với các quy định hiện hành để báo cáo và tham mưu về chủ trương tiếp tục quản lý hoặc trả về địa phương theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện rà soát, đánh giá và hướng dẫn đối với việc thu tiền các hoạt động liên kết trồng cà phê liên kết tại các nông trường thuộc Công ty;
- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình trồng, chăm sóc thay khác và mô hình hàng kép trồng xen các loại cây dài ngày để phù hợp theo quy trình được Bộ NN&PTNT quy định.



Các biện pháp thực hiện:

Về chuyển đổi số của Công ty:

- Tạm ngừng dùng ứng dụng quản lý công việc của Base.vn theo Điều 4, Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT, ngày 21/10/2021.
- Chỉ đạo các phòng chuyên môn khảo sát đánh giá và đề xuất các phần mềm ứng dụng nhằm đảm bảo sự kế thừa liên tục của dữ liệu. Các phần mềm phải liên kết được với nhau để phục vụ tốt nhất các công tác quản trị, quản lý và điều hành, trước mắt tập trung chuyển đổi quy trình sản xuất và quản trị tại Nông trường Cư Bao.



Về công tác đầu tư tại Công ty Dakmoruco:

- Thay đổi việc đầu tư nhà làm việc trong khu quy hoạch nhà máy chế biến mủ, sang khu vực nhà làm việc hiện hữu của Dakmoruco.
- Thay đổi giai đoạn đầu tư nhà máy chế biến mủ, chia làm 02 giai đoạn đầu tư: Đầu tư nhà xưởng sản bãi, hệ thống dây chuyền cán vát trong năm 2022, kinh phí dự tính khoảng 10 tỷ đồng; giai đoạn 2 đầu tư hoàn chỉnh vào năm 2023.
- Đầu tư nhà ở, nhà làm việc và 01 trạm y tế tại khu vực nhà làm việc của Công ty Dakmoruco; kéo điện lưới phục vụ sinh hoạt và sản xuất.



Về chủ trương phát triển cây dứa MD2 và hợp tác đầu tư nhà máy chế biến trái cây:

- Quy mô, diện tích trồng dứa MD2 theo tiêu chuẩn Global Gap và thực hiện số hoá vùng trồng tại nông trường Cư Mgar là 290 ha trồng từ 2022 – 2024.
- Về giống dứa MD2 sử dụng nguồn giống từ vườn của Công ty; từ hợp tác nhân giống với viện Công nghệ Sinh học Đại học Tây Nguyên và mua giống của các đối tác hợp tác liên doanh theo nguyên tắc đảm bảo chứng minh về nguồn gốc rõ ràng, giá mua giống phải thấp hơn giá thị trường tại mọi thời điểm.
- Về tiêu thụ sản phẩm: Phân loại chất lượng sản phẩm để tiêu thụ theo hướng xuất khẩu quả tươi, số còn lại tiêu thụ nội địa cho các đối tác liên doanh, liên kết và các đối tác khác, giá không thấp hơn giá thị trường tại từng thời điểm. Khi thành lập được nhà máy chế biến, ưu tiên bán vào nhà máy chế biến theo giá thị trường.
- Về hợp tác đầu tư nhà máy chế biến trái cây: Thực hiện khảo sát lựa chọn đối tác có kinh nghiệm về công nghệ chế biến và thị trường; có năng lực tài chính để thành lập tư cách pháp nhân mới theo quy định của pháp luật. Lựa chọn quy mô, dòng sản phẩm phù hợp với thị trường và khả năng vùng nguyên liệu.
- Đầu tư nhà máy chế biến phân hữu cơ ngay sau khi đầu tư nhà máy chế biến trái cây. Hình thức đầu tư, do Công ty tự đầu tư; quy mô chủng loại phân bón cần đánh giá và xác định cụ thể, phù hợp với nguyên liệu phế thải từ nhà máy chế biến trái cây và phục vụ chính cho cây trồng của Dakruco.



Trách nhiệm đối với xã hội:

Trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động có tầm quan trọng căn bản đối với sự thành công của chiến lược kinh doanh. Tuân thủ lao động và những công ước quốc tế về lao động là trách nhiệm của mỗi cá nhân, của toàn Công ty và của cả cộng đồng. Công ty đã xác định chính sách về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động xuất phát từ những nhận thức trên, cam kết cung cấp đầy đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện.

Thực hiện chính sách này, Dakruco cam kết:

- Tự do hội họp và thương lượng tập thể: Công ty công nhận quyền tự do của người lao động trong việc tham gia hội họp, tham gia công đoàn và thỏa ước lao động tập thể; đồng thời không đe dọa, trừng phạt hay phân biệt đối xử cũng như can thiệp vào việc thực hiện quyền này của người lao động.
- Không phân biệt đối xử: Người lao động của Công ty được làm việc là dựa trên khả năng của từng người, không phân biệt đối xử đối với lao động là người đồng bào, giới tính, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tật nguyền, đảng phái và quan điểm chính trị.
- Lương và phúc lợi: Công ty cam kết đảm bảo mức lương tối thiểu theo luật quy định. Tất cả các khoản phúc lợi khác theo luật quy định bao gồm nghỉ có lương, nghỉ phép năm, bảo hiểm xã hội cũng trả cho người lao động. Không áp dụng hình thức phạt bằng khấu trừ lương và thưởng, thực hiện cung cấp phiếu thanh toán lương cho người lao động nêu rõ lương và phúc lợi mà người lao động được nhận trong mỗi kỳ thanh toán.
- Thời gian làm việc và tăng ca: Công ty tuân thủ theo luật hiện hành liên quan đến thời gian làm việc thông thường không quá 48 giờ/tuần. Người lao động không được làm quá 60 giờ/tuần ngoại trừ các trường hợp đặc biệt (được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể). Người lao động có ít nhất 1 ngày nghỉ trong tuần, Tăng ca là tự nguyện, thời gian tăng ca phải được trả lương theo đúng quy định pháp luật và được nêu rõ trong bảng lương và phiếu thanh toán.
- An toàn và sức khỏe: Tất cả Người lao động của Công ty đều được cung cấp môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, quan tâm đến các nguy cơ gây hại bởi các hoạt động đặc biệt có liên quan cũng như tuân thủ các yêu cầu về an toàn sức khỏe của Luật Lao động. Huấn luyện cho tất cả CB-CNV của mình hiểu được các quy định về an toàn sức khỏe cũng như sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết.
- Các biện pháp để thực hiện chính sách về trách nhiệm xã hội và Điều kiện lao động được lãnh đạo Công ty xem xét định kỳ đảm bảo sự phù hợp.



Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội

Trách nhiệm đối với môi trường:

Dakruco luôn xác định bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng trong mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Trong mọi hoạt động sản xuất, chế biến của Công ty không thể tránh khỏi những tác động tới môi trường, nhưng Công ty không ngừng nỗ lực bảo vệ môi trường bằng cách:

- Thực hiện chương trình xác nhập IOS 9001:2015 của Nhà máy chỉ thun vào Công ty; thực hiện các cuộc đánh giá nội bộ về IOS 9001:2015 và 1400:2015. Hoàn thiện hồ sơ để Quacert đánh giá chứng nhận lại toàn bộ hệ thống QLCL và QLMT theo quy định.
- Hiệp hội cao su Việt Nam tiếp tục duy trì chứng nhận Nhãn hiệu cao su Việt Nam đối với 4 sản phẩm của công ty đã được chứng nhận.
- Công tác bảo vệ môi trường tại Nhà máy chế biến mũ cao su được tuân thủ theo đề án bảo vệ môi trường, để được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra đánh giá Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định pháp luật về môi trường.
- Tăng cường quản lý các chất thải trên đồng ruộng, thu hồi bao bì, tấm trải poly và các vật tư hư hỏng để xử lý theo quy định. Từng bước sử dụng phân bón hữu cơ thay thế phân vô cơ. Không sử dụng các hóa chất trong danh mục cấm sử dụng của Việt Nam và các Công ước quốc tế do Việt Nam ký kết.



DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với thị trường cao su trong nước

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Người đại diện vốn Dakruco tại các Công ty con và Công ty liên kết

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của HĐQT đối với thị trường cao su trong nước

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cao su năm 2021 đạt 1,93 triệu tấn, đem về 3,24 tỷ USD. Nhờ giá cao su liên tục tăng cao mặc cho sản lượng cao su xuất khẩu chỉ tăng 11,7% so với năm 2020, giá trị kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng đến 36,2%. Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam cũng có sự chuyển biến cùng chiều với thị trường thế giới. Điều này giúp các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cao su được hưởng lợi. Cụ thể giá cao su xuất khẩu trong 3 quý đầu năm bình quân đạt 1.669 USD/tấn, tăng hơn 29% so với 9 tháng đầu năm ngoái.

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), thông tin từ Hải quan Trung Quốc, cho thấy, thị phần của cao su Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng đáng kể trong năm 2021. Cụ thể, lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 10,14 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2020. Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Hàn Quốc và Nhật Bản là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trong đó, tính đến 10 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 1,69 tỷ USD, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm 2020; thị phần cao su Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc 16,7%, tăng mạnh so với mức 14,9% so với cùng kỳ.

Ngoài việc xuất khẩu ổn định sang thị trường số 1 là Trung Quốc, xuất khẩu cao su trong năm 2021 tăng trưởng mạnh ở nhiều thị trường quan trọng như Mỹ, EU, Malaysia, Hàn Quốc, Ấn Độ ...

Năm 2021 đi qua, dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sản lượng mủ cao su tuy có sự suy giảm nhưng giá bán niêm yết ở mức cao đã giúp cải thiện biên lợi nhuận của các doanh nghiệp cao su. Đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và DRG nói riêng, cần nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, phát triển theo xu hướng bền vững, đi sâu vào giá trị cốt lõi, đảm bảo chất lượng cũng như uy tín doanh nghiệp, nâng cao thương hiệu quốc gia vươn ra tầm quốc tế.

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021, một năm chịu nhiều khó khăn do tình hình dịch Covid-19 bùng phát, gây nên bất ổn xã hội và môi trường kinh doanh. Nhưng đây cũng là một năm đầy thành công của Công ty, khi giá mủ cao su tăng.

Vượt lên khó khăn của năm 2020, HĐQT đã thể hiện được vai trò chỉ đạo bằng các chủ trương, thể hiện thông qua 16 nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo kịp thời ổn định sản xuất.

Báo cáo của HĐQT đã đánh giá đúng thực chất kết quả công tác hoạt động trong năm vừa qua, đặc biệt các chỉ tiêu liên quan đến sản xuất đều vượt kế hoạch như: Sản lượng thực hiện về mủ cao su, sản lượng chỉ thun, doanh thu và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch ĐHCĐ đề ra như báo cáo Ban Điều hành đã nêu.

Một số chỉ tiêu chưa đạt được như hiệu quả SXKD về chuối, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng trực tiếp của dịch Covid-19 không huy động được nhân công, thời tiết không thuận lợi dẫn đến tỷ lệ xuất khẩu thấp hơn kế hoạch; thị trường phần lớn bị đóng băng, rớt giá. Công tác thoái vốn và tái cơ cấu tài chính gặp thời điểm tình hình kinh tế xã hội và giá cả thị trường không thuận lợi, một số cơ chế chính sách phụ thuộc nhiều vào chủ sở hữu nên chưa thực hiện được.

Nội bộ HĐQT đoàn kết và có tâm huyết, nhạy bén với sự thay đổi của môi trường SXKD, đầu tư nhiều thời gian và trí lực để đề ra các chủ trương nghị quyết kịp thời đúng đắn. Đặc biệt là Chủ tịch HĐQT Công ty luôn đi sâu tìm hiểu nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty, sự phối hợp trong bộ máy chuyên môn từ Công ty xuống các đơn vị để chỉ đạo kịp thời, giúp bộ máy điều hành hoạt động hiệu quả. Chỉ đạo chuyên môn hoàn thiện các quy chế và dự thảo điều lệ trình đại hội theo Luật Doanh nghiệp năm 2020.



Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Người đại diện vốn Dakruco tại các Công ty con và Công ty liên kết

Người đại diện vốn của Dakruco tại các doanh nghiệp khác cơ bản đã thực hiện tốt Quy chế Hoạt động của người đại diện phần vốn. Các nội dung trình HĐQT và đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, đã được người đại diện vốn biểu quyết theo đúng chủ trương của Dakruco theo các quy chế liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021, sửa đổi Điều lệ. Người đại diện vốn thể hiện được năng lực và trọng trách của người đại diện vốn như: Thường xuyên theo dõi, giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính tại doanh nghiệp được cử đại diện; chấp hành tốt việc báo cáo hàng quý và đề xuất những nội dung xin ý kiến biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT và họp ĐHĐCĐ đối với những nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT Dakruco cho ý kiến. Những kết quả đạt được cụ thể sau đây:

Quý Tín dụng Nhân dân cao su Đắk Lắk

Năm 2021, hoạt động kinh doanh của Quý tín dụng rất khó khăn, do nhu cầu vay đầu tư của nông dân giảm, bởi dịch bệnh COVID-19 đã phong tỏa nhiều nơi, giá nông sản xuống thấp đã làm cho người dân hạn chế vay vốn. Tuy nhiên, với những giải pháp kịp thời và phù hợp của thị trường, hoạt động của Quý tín dụng tiếp tục duy trì ổn định, bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh. Các chỉ tiêu thực hiện đạt được như sau:

- Vốn huy động đạt 607,40 tỷ, đạt 101,23% kế hoạch năm.
- Dư nợ cho vay 506,54 tỷ, đạt 92,1% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 5,18 tỷ đồng, bằng 101,21% kế hoạch năm.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước 822,72 triệu đồng, bằng 100% số phải nộp.

Chất lượng tín dụng tốt, tổng nợ xấu 361,76 triệu đồng, chiếm 0,07%. Hoạt động của Quý luôn duy trì tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn vốn theo quy định NHNN.

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, hàng hóa qua các cửa khẩu khó khăn, chi phí bán hàng tăng lên, do giãn cách xã hội. Thay đổi tỷ giá ngoại tệ tại Daklaoruco làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã chủ động tiết giảm chi phí trong đầu tư nông nghiệp và xây dựng cơ bản (giảm 22,3% KH), đẩy mạnh công tác xuất khẩu mủ cao su. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra như sau:

- Sản lượng mủ cao su: 15.438/16.500 tấn = 93,56% kế hoạch
- Sản lượng điều hạt tươi: 234,16/ 209 tấn = 112,04% kế hoạch
- Sản lượng chuối quả: 3.306,81/4.800 tấn = 68,89% kế hoạch
- Doanh thu và thu nhập khác: 602,81/586,875 tỷ đồng = 102,71% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 111,64/ 60.624 tỷ đồng = 184,15% kế hoạch
- Tỷ lệ mủ cao su xuất khẩu chiếm 65,59% lượng tiêu thụ, đạt 100,91% kế hoạch
- Chia cổ tức 7% trên vốn điều lệ, đạt 140% kế hoạch.



Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Người đại diện vốn Dakruco tại các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su

Kết quả kinh doanh so với kế hoạch năm 2021 đạt được như sau: Sản lượng mủ: 218,1 tấn, bằng 97,82% kế hoạch; doanh thu đạt 14,4 tỷ đồng, đạt 104,13% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 198,7 triệu đồng, đạt 120,78% kế hoạch; không chia cổ tức.



Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco

So với kế hoạch, sản lượng mủ cao su 626,087 tấn bằng 131,14%, doanh thu 35,760 tỷ đồng bằng 136,63%; lợi nhuận trước thuế 8,695 tỷ đồng, bằng 131,38%; nộp ngân sách 2,999 tỉ đồng; trồng mới 53,21ha cao su đạt 100% kế hoạch; không có nợ quá hạn; tình hình quản lý và sử dụng và bảo toàn vốn góp của Daknoruco đánh giá là tốt.

Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri

So với kế hoạch năm 2021, sản lượng mủ khai thác được 2.612,75 tấn mủ cao su, đạt 104,5% KH; doanh thu 13,926 tỷ Riel, đạt 111%; lợi nhuận tương đương: 14,8 tỷ đồng. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự, quản lý tốt tài sản, vườn cây trong vùng dự án tình hình an ninh, chính trị nội bộ luôn được giữ vững, kiểm soát không để dịch bệnh Covid xâm nhập vào Công ty.

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk

Đã tìm kiếm đối tác bán toàn bộ tài sản công ty với giá 7,7tỷ đồng để xử lý tài chính và giải thể Công ty theo quy định. Tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên trong năm mới chỉ thực hiện được ký hợp đồng đặt cọc, hoàn chỉnh thủ tục chứng nhận tài sản trên đất nhưng chưa thực hiện ký hợp đồng mua bán và bàn giao tài sản được, hiện Công ty đang cùng đối tác tiếp tục xúc tiến hoàn tất các thủ tục mua bán tài sản có liên quan để tiến hành thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Công ty Cổ phần Cao su Thái Dương

Doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 479,4/343 tỷ đạt 140% kế hoạch, Lợi nhuận hợp nhất năm 2021 đạt 12,16/13,8 tỷ đạt 88,12% kế hoạch. Năm 2021 Công ty dự kiến chia cổ tức 15%. Công ty đã thiết lập thêm các kênh phân phối online, Siêu thị, Pet Shop... để chủ động bán hàng.

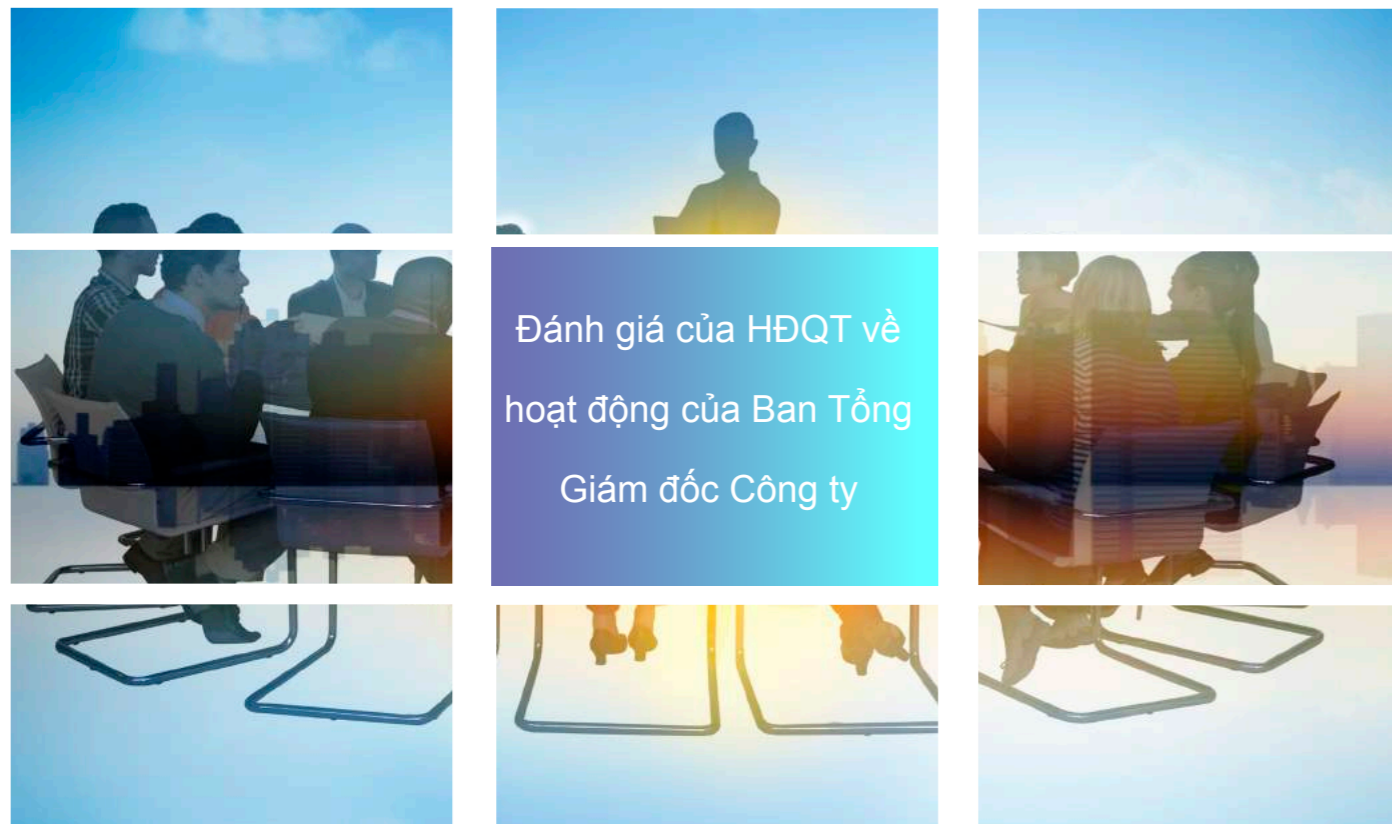
Việc quản lý công nợ kịp thời theo quy định Công ty, Công ty không có nợ khó đòi; Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.



Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các buổi giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc Công ty. Qua đó, vừa nắm bắt tình hình, vừa kịp thời chủ động đề xuất, chỉ đạo và cùng Ban điều hành giải quyết các vướng mắc nhằm đảm bảo thống nhất chủ trương của HĐQT trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các nghị quyết HĐQT trong năm 2021.
 - Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh tế tốt hơn. Đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch khai thác, chăm sóc vườn cao su, công tác bán hàng và đầu tư xây dựng cơ bản để mang lại hiệu quả.
 - Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo Quản trị định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo thông tin được minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, kịp thời trên hệ thống phần mềm IDS, gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng tải trên Website công ty theo đúng quy định công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT và Ban Kiểm soát công ty đánh giá hoạt động của Ban Điều hành trong năm 2021 cơ bản đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã thực thi nhiệm vụ đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị, thực hiện đúng và đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Điều hành công ty hoàn thành mục tiêu năm 2021; hoạt động đúng định hướng chỉ đạo của HĐQT, các chỉ tiêu lớn do ĐHĐCĐ đề ra đều vượt. Các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, thanh lý vườn cao su, Dự án trồng cây công nghiệp ứng dụng công nghệ cao đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng và cơ bản đã đạt được hiệu quả.
 - Quản lý tài chính tốt, cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh, không có nợ xấu. Báo cáo tài chính các quý, báo cáo bán niên được thực hiện đúng tiến độ, phản ánh đầy đủ chính xác theo những chuẩn mực kế toán và được công bố thông tin kịp thời.



Kết quả đạt được so với nghị quyết do ĐHĐCĐ đề ra như sau:

Về sản lượng các loại sản phẩm:

Sản lượng thực hiện đạt 16.833,35 tấn/ 12.817,34 tấn đạt 131,3%. Trong đó:

- Sản lượng mủ cao su khai thác 7.327 tấn/5.526 tấn, đạt 136,2% kế hoạch năm.
- Sản lượng chế biến sợi chỉ thun: 3.383 tấn/ 1.800 tấn, đạt 204 % kế hoạch năm.
- Sản lượng chuỗi: 5.660 tấn/5.491 tấn, đạt 103% kế hoạch năm.
- Sản lượng dứa MD2 thu hoạch và xuất bán: 95,5 tấn.



Về doanh thu và lợi nhuận (Công ty mẹ):

- Tổng doanh thu thực hiện 639,6 tỷ đồng/427,6 tỷ đồng, đạt 149,58%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 61,49 tỷ đồng/50,38 tỷ đồng, đạt 122,05%.

Về công tác trồng tái canh cao su:

Diện tích trồng mới cao su: 416,2 ha/549,59 ha, đạt 75,7%. (Do vườn cây cao su thanh lý không kịp thời vụ, phải chuyển sang năm 2022).

Về triển khai đầu tư dự án đầu tư Khu nông nghiệp theo hướng Ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Mgar:

Ban điều hành đã khảo sát đầu tư hệ thống hạ tầng, lập kế hoạch và chuẩn bị phương án sản xuất nông nghiệp UDCNC tại chi nhánh Nông trường Cư Mgar, nhưng UBND tỉnh chưa phê duyệt chủ trương, nên hiện nay diện tích đất này đang cho thuê để trồng cây ngắn ngày chờ đến khi được sự phê duyệt của UBND tỉnh sẽ tiếp tục triển khai.

Về chủ trương thoái vốn:

Chưa thoái vốn bán toàn bộ tài sản tại Chi nhánh Khách sạn Dakruco là do UBND tỉnh chưa có ý kiến; chưa thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI vì chưa được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Bước vào năm 2022, trong bối cảnh kinh tế của Việt Nam và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn. Giá bán mủ cao su tương ổn định nhưng tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp nên việc dự báo giá bán cũng gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty. Nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư sẽ gặp khó khi nhu cầu thanh toán các khoản nợ vốn huy động nội bộ còn lại sắp đến hạn, vốn tín dụng dài hạn cho dự án tái canh hiện vẫn chưa tìm được nhà tài trợ. Ngoài ra, sản lượng mủ cao su đối với những vườn cây mới đưa vào khai thác thấp sẽ làm tăng giá thành sản xuất, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Thời tiết không thuận lợi cũng ảnh hưởng đến chỉ tiêu về sản lượng khai thác, năng suất vườn cây ăn trái (đặc biệt là Chuối khi thời tiết lạnh làm cho Size chuối tăng chậm ảnh hưởng đến công tác xuất bán) sẽ làm giảm hiệu quả SXKD.

Bên cạnh đó, lạm phát xảy ra ở tất cả các nền kinh tế; xung đột Nga – Ukraina..., làm giá vật tư, nguyên liệu đầu vào và chi phí logistic tăng quá cao, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất cùng với diễn biến dịch Covid-19 phức tạp và trong điều kiện thích ứng an toàn với dịch bệnh dẫn đến các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng sẽ gặp những khó khăn nhất định, chủ động phòng chống dịch tại Công ty để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động SXKD dẫn đến sẽ làm tăng các khoản chi phí, ảnh hưởng đến chất lượng, sản lượng sản phẩm... Trong khi đó, các dự báo về phục hồi kinh tế của các nước trên thế giới trong năm 2022 sẽ gặp khó khăn, nhiều khả năng giá mủ sẽ không được cải thiện nhiều. Vì vậy năm 2022 tiếp tục là năm có nhiều rủi ro và thách thức đặt ra đối với HĐQT.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông lần này, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động với các định hướng mục tiêu và giải pháp như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Khai thác và mua ngoài cao su quy khô	Tấn	6.164,12
2	Sản lượng		
	Cao su xuất bán	Tấn	6.100,0
	Sợi chỉ thun	Tấn	2.900
	Chuối	Tấn	6.600
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	700.000
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	614.269
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	85.731
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	71.487
6	Chỉ tiêu về đầu tư	Triệu đồng	223.501

Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:

- Hoàn thiện việc bán tài sản Khách sạn Dakruco và Nhà làm việc Văn phòng Công ty trong năm 2022; tiếp tục đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho thoái 30,6% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắc Lắc để thực hiện trong quý II và III/2022. Song song với đó, tiếp cận các ngân hàng thương mại để vay vốn tái canh cây cao su và dự án NNUDCNC; đồng thời tái cơ cấu nợ vay, tái cơ cấu tài chính Công ty; không để xảy ra tình trạng mất thanh khoản.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả lĩnh vực khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su trên cơ sở xây dựng và phát triển thương hiệu Dakruco gắn với nhãn hiệu cao su Việt Nam; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hoàn thành việc đầu tư nông nghiệp toàn bộ diện tích và từng bước hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng. Thực hiện đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ tại chi nhánh Nông trường cao su CưMgar, ngay khi được UBND tỉnh cho phép.
- Đối với sản phẩm trái cây duy trì, phát triển bền vững đạt tiêu chuẩn VietGap và GlobalGap; tìm kiếm bạn hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu để đảm bảo việc kinh doanh các sản phẩm ổn định về thị trường. Tiếp tục duy trì và cải thiện Hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường theo các tiêu chuẩn ISO.
- Tiến hành đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy chế biến mủ, Nhà máy chế biến chỉ thun; hệ thống quan trắc môi trường tự động nhà máy chế biến mủ; đầu tư nhà ở; Nhà làm việc; kéo điện lưới và đầu tư Nhà máy Chế biến mủ SVR10, SVR20 tại Dakmoruco. Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh chế biến chỉ thun cao su và Công ty Dakmoruco, tiếp tục kinh doanh có lãi tốt hơn năm 2021.
- Xây dựng và triển khai đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2022-2025; gắn với thực hiện Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025, phần đầu được cấp chứng chỉ FSC-FM cho 1000 ha sản phẩm gỗ, mủ cao su tại Nông trường 19/8 và Phú Xuân; FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ và lĩnh vực thương mại của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty trình ĐHCĐ thông qua, để phù hợp với Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; trên cơ sở đó rà soát, chỉnh sửa các quy chế, quy định của Công ty. Chỉ đạo công tác kiện toàn tổ chức bộ máy; tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cán bộ quản lý các cấp.





DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



05 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Lương, thù lao và các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức vụ CT HĐQT từ ngày 29/09/2018	4/4	100%	
2	Bùi Quang Ninh	TV. HĐQT Tổng Giám Đốc	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT Kế toán trưởng	TVHĐQT từ 06/05/2019	4/4	100%	
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT Trưởng Phòng Nhân sự - Pháp chế	TVHĐQT từ 29/09/2018	4/4	100%	
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT	TVHĐQT từ 29/09/2018	3/4	75%	Việc cá nhân
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT	TVHĐQT từ 06/05/2019	3/4	75%	Việc cá nhân

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN VIẾT TƯỢNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	01/01/1965
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Lâm sinh, Cử nhân kinh tế công nghiệp, Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)
Quá trình công tác	
Từ 1988 – 1996	Lâm trường Nam Nung
Từ 1996 – 2005	Tỉnh Ủy Đắk Lắk
Từ 2005 – 2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk
Từ 2007 – 2010	Huyện ủy CuKuin
Từ 2010 – 2012	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Từ 2012 – 2015	Thành Ủy Buôn Ma Thuột
Từ 2015 – tháng 9 năm 2018	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco; Chủ tịch Công ty Phát triển Cao su Đắk Lắk Mondolkiri.
Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.000 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0031% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu UBND Tỉnh Đắk Lắk	92.484.960 cổ phần (tương ứng chiếm 59,36% vốn điều lệ)



ÔNG NGUYỄN VĂN CÚC

Thành viên HĐQT
Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế

Năm sinh	17/11/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	
Từ 1991 – 2003	Liên hiệp các Xí nghiệp Cao su Đắk Lắk
Từ 2004 – 2010	Phòng Thanh tra bảo vệ – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 01 năm 2011 – tháng 7 năm 2011	Phòng thanh tra pháp chế - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 07 năm 2011 – tháng 3 năm 2014	Phòng Nội chính – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 04 năm 2014 – tháng 9 năm 2018	Phòng nhân sự Pháp chế – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng nhân sự Pháp chế - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng nhân sự Pháp chế - Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.500 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0022% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0



ÔNG ĐỖ VĂN ĐỊNH

Thành viên HĐQT
Thành viên độc lập

Năm sinh	24/11/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 1987 – 1996	Công nhân
Từ 1996 – 2004	Quý Tín dụng Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 2004 – tháng 10 năm 2006	Trung tâm du lịch Bản Đôn – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 11 năm 2006 – tháng 12 năm 2007	Quý Tín dụng Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 04 năm 2014 – tháng 9 năm 2018	Giám đốc Quý Tín dụng Cao su Đắk Lắk
Từ tháng 10 năm 2018 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Thành viên độc lập)
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0
Số cổ phần đại diện sở hữu	0

Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN VĂN NAM

Thành viên HĐQT
Thành viên độc lập

Năm sinh	11/02/1968
Trình độ chuyên môn	Phó Giáo sư – Tiến sỹ nông nghiệp.
Quá trình công tác	
Từ 1993 – 1999	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên
Từ 1999 – 2000	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – PCT Hội sinh viên – Trợ lý Khoa Nông Lâm
Từ 2000 – 2002	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – Phó Bí Thư Đoàn TNCS HCM Trường Đại học Tây Nguyên - CT Hội sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2003 – 2005	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – TP. Thí nghiệm Bộ môn BVTV viên Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2005 – 2009	Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc Gia Chonnam, Hàn Quốc
Từ 2009 – 2011	Giảng viên Khoa Nông Lâm, Đại học Tây Nguyên – Trợ lý Khoa Nông Lâm Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2011 – 2015	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Trợ lý Khoa Nông Lâm – Trưởng Bộ môn Trường Đại học Tây Nguyên
Từ 2015 - 2016	Giảng viên Khoa Nông Lâm, – Phó trưởng Khoa Nông Lâm – Phó Viện trưởng Viện CNSH&MT – Phó Bí thư Chi bộ
Từ 2016 – tháng 4/2019	Phó hiệu trưởng Đại học Tây Nguyên
Từ tháng 5/2019 - Nay	Phó hiệu trưởng Đại học Tây Nguyên Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (Thành viên độc lập)
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0
Số cổ phần đại diện sở	0

- **ÔNG BÙI QUANG NINH** - Thành viên Hội đồng quản trị
Như đã trình bày ở phần Ban điều hành
- **ÔNG NGUYỄN ĐỘ** - Thành viên Hội đồng quản trị
Như đã trình bày ở phần Ban điều hành
- **ÔNG NGUYỄN TRẦN GIANG** - Thành viên Hội đồng quản trị
Như đã trình bày ở phần Ban điều hành

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Date	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 01/NQ-HĐQT	20/01	Thông qua chủ trương huy động vốn nội bộ của CBCNV trong Công ty (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%
2	Số 02/NQ-HĐQT	22/01	Kết quả họp HĐQT ngày 20/02/2021 (họp HĐQT lần 1) cho ý kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Dakruco và Dakmoruco; Công thức giá bán mủ cao su năm 2021; Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021 của DRI... và các nội dung quan trọng khác.	100%
3	Số 03/NQ-HĐQT	09/3	Thông qua các nội dung trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Dakruco; kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021 của Công ty Daknoruco; phân phối lợi nhuận 2020 của DRI và thỏa thuận với Ban điều hành về công tác nhân sự của Chi nhánh Nhà máy chế biến mủ cao su (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%
4	Số 04/NQ-HĐQT	22/3	Thông qua chủ trương cho Người đại diện vốn của Dakruco được thẩm định Điều lệ của Công ty DRI và Daknoruco; chủ trương bán toàn bộ tài sản tại khách sạn Dakruco (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%
5	Số 05/NQ-HĐQT	07/4	Kết quả họp HĐQT ngày 07/4/2021 (họp HĐQT lần 2) Thông qua các nội dung Báo cáo và tờ trình xin ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; cho ý kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Dakrutech... và các nội dung quan trọng khác.	100%
6	Số 06/NQ-HĐQT	21/5	Chủ trương cho Người đại diện vốn của Dakruco được biểu quyết các chỉ tiêu tài chính tại Công ty CP Thái Dương; chủ trương cho Ban điều hành giới thiệu 01 vị trí Phó Tổng Giám đốc để HĐQT xem xét và thực hiện điều chỉnh kế hoạch cây giống cao su trồng mới năm 2021 (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
7	Số 07/NQ-HĐQT	31/5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021; ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hồ sơ liên quan đến thế chấp ngân hàng để vay vốn (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%
8	Số 08/NQ-HĐQT	23/7	Kết quả họp HĐQT ngày 23/7/2021 (họp HĐQT lần 3) thông qua đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021; ban hành Quy chế Công bố thông tin (sửa đổi) và các nội dung quan trọng khác.	100%
9	Số 09/NQ-HĐQT	19/8	Thống nhất giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện khắc phục những nội dung về công tác quản lý, sử dụng đất đai và lao động theo Kết luận Thanh tra số 7337/KL-UB-ND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
10	Số 10/NQ-HĐQT	17/9	Thông qua chủ trương trồng dặm cao su năm 2022; vay vốn của Công ty con DRI; triển khai bán cây cao su thanh lý và triển khai huy động vốn nội bộ đợt 2 năm 2021 (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)	100%
11	Số 11/NQ-HĐQT	21/10	Kết quả họp HĐQT ngày 21/10/2021 (họp HĐQT lần 4) thông qua đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2021 và các nội dung quan trọng khác.	100%
12	Số 12/NQ-HĐQT	12/11	Thông qua Đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025; thoái vốn 30,6% vốn điều lệ tại DRI và bán tài sản trên đất tại chi nhánh khách sạn Dakruco và khối Văn phòng Công ty (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

Hội đồng quản trị

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Date	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	Số 13/NQ-HĐQT	24/11	Thông qua phê duyệt và triển khai phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Dakruco tại Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk (DRI) (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
14	Số 14/NQ-HĐQT	26/11	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
15	Số 15/NQ-HĐQT	15/12	Thông qua chủ trương rút vốn góp tại Quỹ tín dụng nhân dân cao su Đắk Lắk; chủ trương cho hợp đồng trồng cây ngắn ngày năm 2022; chủ trương mua mù nguyên liệu và bán hàng năm 2022; công tác tổ chức cán bộ liên quan đến việc thành lập phòng Quản lý chất lượng và cán bộ quản lý (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%
16	Số 16/NQ-HĐQT		Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần DRI và Công ty cổ phần Daknoruco (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triển khai họp ĐHCĐ thường niên và tiến hành họp HĐQT định kỳ đúng với quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp; việc họp của HĐQT đảm bảo mỗi quý họp 01 lần, trường hợp xét thấy cần thiết giải quyết các nội dung công việc quan trọng đã tiến hành họp HĐQT bất thường; tại mỗi lần họp các thành viên tham dự đều đạt từ 86% trở lên. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều xem xét, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý trước và các nội dung trình HĐQT của Ban điều hành để tháo gỡ khó khăn, định hướng sản xuất kinh doanh đặc biệt là nguồn vốn cho sản xuất. Bên cạnh đó việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT cũng được triển khai nhanh chóng để ban hành các nghị quyết kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ trực tiếp, 12 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 16 nghị quyết. Các phiên họp đều có sự tham dự họp của Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Ngoài những nhiệm vụ thường xuyên định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và những đơn vị liên kết, HĐQT tập trung chỉ đạo trọng tâm vào việc trình ĐHCĐ sửa đổi Điều lệ, các quy chế cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Chứng khoán 2019, theo đó HĐQT đã ban hành sửa đổi: Quy chế Công bố thông tin; ban hành mới Quy định đánh giá, xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty, Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Ban hành các Nghị quyết chỉ đạo các nội dung mang tính chiến lược như: Chương trình phát triển cao su bền vững giai đoạn 2020-2025; Đề án củng cố và phát triển Công ty 2021-2025; Kế hoạch chuyển đổi số của Công ty; phát triển Dự án NNUDCNC... Bên cạnh đó, HĐQT tập trung vào việc chỉ đạo thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh tế; cho chủ trương vay vốn phục vụ cho sản xuất, kế hoạch bán hàng sản phẩm cao su và chuối, chủ trương hoàn thiện việc bán tài sản chi nhánh Khách sạn Dakruco và Khối Văn phòng, chủ trương thoái 30,6% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk; định hướng công tác tổ chức cán bộ để phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty...



Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trước tình hình khó khăn về tài chính do chưa thực hiện được các chủ trương bán tài sản, thoái vốn và chưa tìm được ngân hàng tài trợ cho đầu tư cao su tái canh; bên cạnh đó ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho công tác sản xuất bị ảnh hưởng, công tác kinh doanh bán hàng gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên Ban điều hành luôn thể hiện quyết tâm bám sát nghị quyết chỉ đạo của HĐQT để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bộ máy Ban điều hành hoạt động thông suốt từ Công ty xuống tận các đơn vị đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo sự phân công.

Công tác chỉ đạo điều hành SXKD đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng Điều lệ Công ty. Những nội dung phát sinh trong quá trình chỉ đạo sản xuất vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT bằng văn bản để xử lý.

Mối quan hệ giữa Ban điều hành và HĐQT phối hợp rất tốt tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành phát huy năng lực quản lý. Các quan hệ giữa Ban điều hành và chủ sở hữu của UBND Tỉnh cũng như các sở ngành đều rất tốt giúp cho Công ty tranh thủ được ý kiến chỉ đạo từ cấp trên và giải quyết tương đối kịp thời các đề nghị của Công ty.

Về các số liệu báo cáo trình ĐHCĐ của Ban điều hành được tổng hợp từ tất cả các mặt sản xuất quản lý điều hành của Công ty. Qua đó đánh giá hết các điểm nổi bật đã làm được trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐQT về thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Đánh giá cao tinh thần đoàn kết và quyết tâm của bộ máy điều hành đã vượt lên khó khăn tài chính cũng như các yếu tố thời tiết dịch bệnh, giá cả thị trường kể cả một số khó khăn về cơ chế để hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản về: Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận, nghĩa vụ nhà nước và thu nhập người lao động. Đặc biệt trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 gây ra cho con người, dịch bệnh gây ra cho diện tích vườn cây ăn trái, bên cạnh là vườn cây cao su chủ yếu còn trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, sản lượng ít nhưng Ban điều hành đã tìm các giải pháp phù hợp như : Tranh thủ thời gian đất trồng cao su hàng kếp cho hợp đồng trồng cây ngắn ngày để gia tăng lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

Các hạn chế trong công tác điều hành như chưa tái cơ cấu được nguồn vốn để vay đầu tư cho cao su kiến thiết cơ bản và trồng mới, do nhiều nguyên nhân như báo cáo chuyên môn đã phân tích. Một số sai sót trong quản lý điều hành về giao nhận mù đã được Ban điều hành kiên quyết xử lý. Ngoài ra trong chỉ đạo mảng Nông nghiệp Công nghệ cao là lĩnh vực mới nên chưa lường hết được khó khăn về kỹ thuật, thời tiết, chất lượng vườn cây ăn trái, chưa có tiêu chí đánh giá về tốc độ tăng trưởng để biết thực chất hiệu quả đầu tư.

Nhìn chung năm 2021, Bộ máy quản lý công ty hoạt động ổn định, thống nhất, phân công phân nhiệm rõ ràng phát huy sức mạnh tập thể trong đơn vị. Cán bộ lãnh đạo từ Công ty đến các đơn vị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, tuân thủ sự lãnh đạo của Ban Tổng giám đốc, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt và có hiệu quả.



Ban kiểm soát

Danh sách thành viên, cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban KS	29/09/2018	4	4/4
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	29/09/2018	4	4/4
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	06/05/2019	4	4/4

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:



ÔNG NGUYỄN THẠCH HOÀNH

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	01/12/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 05/1991 – 12/2002	Phòng Kế toán Nông trường Cao su 1/5 – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2003 – 07/2003	Kế toán trưởng – Nông trường Cao su Cư Mgar – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 08/2003 – 12/2010	Kế toán trưởng – Nông trường Cao su Phú Xuân – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2011 – 3/2011	Kế toán trưởng – Chi nhánh Nghĩ dưỡng sinh thái và Spa Bản Đôn thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 04/2011 – 6/2012	TBP. Tiền lương, Phòng Nội chính – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2012 – 09/2018	Kiểm soát viên kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2018 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng Ban kiểm soát của: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Chỉ thun Cao su Đắk Lắk; Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk.
Số cổ phần sở hữu	2.000 cổ phần (tương ứng chiếm 0,0012% vốn điều lệ)
Số cổ phần đại diện sở hữu	0



ÔNG NGUYỄN VĂN THẢO

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	18/06/1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 2002 – T3/2009	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến mù
Từ 4/2009 – 6/2009	Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 7/2009 – 12/2009	Kế toán trưởng Nông trường 1 - Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2010 – 9/2011	Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2011 – 07/2012	Kế toán trưởng Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 08/2012 – 11/2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 12/2012 – 09/2013	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 12/2012 – 09/2013	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2013 – 05/2014	Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 06/2014 – 09/2014	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2014 – 04/2019	Kế toán trưởng Xí nghiệp Chế biến mù cao su – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 06/2019 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk
Số cổ phần sở hữu	0
Số cổ phần đại diện sở hữu	0



ÔNG PHAN THANH TÂN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	02/11/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 1992 – 2006	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2007 – 09/2007	Kế toán trưởng – Trung tâm du lịch Bản Đôn – Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2007 – 06/2008	Kế toán trưởng – Trung tâm Đầu tư và Phát triển Cao su Đắk Lắk - Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2008 – 12/2010	Nhân viên Ban Kiểm soát Công ty Cao su Đắk Lắk
Từ 01/2011 – 9/2018	Nhân viên Ban Kiểm soát – Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 07/2012 – 09/2018	Kiểm soát viên kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk
Từ 10/2018 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Thành viên Ban kiểm soát của: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Công ty TNHH MTV Chỉ thun Cao su Đắk Lắk; Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk; Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cao su.
Số cổ phần sở hữu	0
Số cổ phần đại diện sở hữu	0

Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Quá trình giám sát các hoạt động của HĐQT trong năm 2021, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên của HĐQT cơ bản tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời định hướng, chỉ đạo đầu tư, kinh doanh theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 29/4/2021 theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.
- HĐQT thường xuyên có sự giám sát và chỉ đạo cho Ban điều hành để thực hiện nhiệm vụ SXKD và đầu tư hàng tháng, hàng quý, nhất là việc triển khai nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực Công nghệ cao.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư quyết liệt và kịp thời. Ban điều hành đã thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Công ty đã thực hiện tốt việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành kịp thời và chính xác.
- Trong năm 2021, ban kiểm soát đã thực hiện giám sát kiểm tra việc tuân thủ điều lệ và quy định của pháp luật. Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT công ty, cụ thể các công việc sau:
 - + Giám sát việc tuân thủ điều lệ và pháp luật của doanh nghiệp.
 - + Giám sát thực hiện công tác tài chính kế toán.
 - + Giám sát thực hiện các chỉ tiêu về SXKD và đầu tư.
 - + Giám sát thực hiện sửa chữa mua sắm tài sản cố định và vật tư hàng hóa.
 - + Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách người lao động.
 - + Kiểm tra việc khắc phục theo kết luận kiến nghị của các cơ quan kiểm tra từ bên ngoài Công ty, trong đó có giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT và đề xuất với HĐQT tiếp tục chỉ đạo công tác khắc phục tồn tại khuyết điểm theo Kết luận thanh tra số 7337/KL-UBND của UBND tỉnh.
 - + Giám sát hoạt động tại các chi nhánh và công ty con.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Quá trình hoạt động BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT, Ban điều hành:

- BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành để nắm bắt và đề đạt các ý kiến đối với hoạt động của HĐQT và ban điều hành. Các ý kiến tham vấn đều được HĐQT xem xét tại cuộc họp. Thực hiện tốt theo quy chế phối hợp giữa HĐQT và BKS.
- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất phương tiện làm việc, sắp xếp thời gian và nhân sự làm việc theo lịch trình kiểm tra giám sát của BKS Công ty. Cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ số liệu để soát xét khi BKS đăng ký làm việc.
- Những kiến nghị đề xuất trong quá trình kiểm tra kiểm soát được HĐQT, Ban điều hành xem xét và ghi nhận và xử lý kịp thời, nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả trong SXKD.



Lương, thù lao và các khoản lợi ích

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	434.058.000	-	434.058.000
2	Bùi Quang Ninh	TV HĐQT kiêm TGD	416.695.000	-	416.695.000
3	Nguyễn Độ	TV HĐQT kiêm P.TGD	316.500.000	-	316.500.000
4	Nguyễn Minh	P.TGD	53.252.000	-	53.252.000
5	Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT	325.543.000	-	325.543.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
7	Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
8	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	303.092.000	-	303.092.000
2	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000
Tổng cộng			2.109.574.000	178.092.000	2.287.666.000

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong tháng 6 năm 2021, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản trị Công ty tham dự Hội thảo trực tuyến về “Triển khai thực hiện Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất” do SSC tổ chức; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và bộ phận Công nghệ Thông tin của Công ty tham gia Hội thảo trực tuyến về Chủ đề “Kinh doanh không gián đoạn-Kinh nghiệm và giải pháp sáng tạo do FPT và Base.vn tổ chức; Chủ tịch HĐQT và Bộ phận quản lý chất lượng Công ty tham gia buổi chia sẻ trực tuyến về cập nhật phiên bản 3.1 của tiêu chuẩn FSC, do TUV SUD Việt Nam tổ chức; các chương trình đào tạo khác do dịch Covid – 19 nên chưa thực hiện được...

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	7.800	0,005%	5.000	0,003%	Bán 2.800
2	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban KS	3.500	0,0022%	2.000	0,0012%	Bán 1.500
3	Phan Thanh Tân	BKS	3.300	0,002%	0	0	Bán 3.300
4	Nguyễn Văn Thảo	BKS	1.200	0,001%	0	0	Bán 1.200
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	2.200	0,0014%	0	0	Bán 2.200



DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất



**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
CAO SU
ĐẮK LẮK**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CAO SU
ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK,
L=TP. Buôn Ma Thuật,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐẮK LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:6000175829
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.03.28
11:34:44+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
11.2.1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	12 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019.

Mã chứng khoán là DRG.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 1.558.000.000.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 02 công ty liên kết và 02 Công ty đầu tư dài hạn khác.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	66,6%	66,6%	66,6%
2.	Công ty CP Cao su Daknoruco	Thôn 13, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su.	73,4%	73,4%	73,4%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondulkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18 - Thôn Đoàn Kết - Xã Ea DRong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	28,79%	28,79%	28,79%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea DRong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng.	45,1%	45,1%	45,1%

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : http://www.dakruco.com

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế. Vận tải theo tuyến cố định và theo hợp đồng; vận tải khách bằng xe buýt, xe du lịch, xe taxi;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage. Kinh doanh karaoke;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Trọng	Chủ tịch	29/09/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	29/09/2018	
Ông Đỗ Văn Định	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên	06/05/2019	
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	06/05/2019	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	29/09/2018	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	06/05/2019	

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2021	
Ông Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	01/10/2018	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Trọng	Chủ tịch	01/10/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 45.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

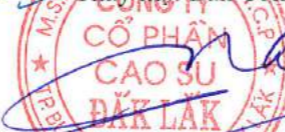
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BUI QUANG NINH

Tổng Giám đốc

Buôn Ma Thuột, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Số: 16/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh – Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		476.729.514.076	352.599.122.103
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	165.759.096.208	89.869.690.988
111	1. Tiền		155.927.594.112	67.680.805.679
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.831.502.096	22.188.885.309
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	20.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.432.855.777	78.148.751.219
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	64.411.584.363	70.375.079.119
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.547.902.250	12.773.910.797
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	5.919.225.090	5.934.275.448
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(12.510.932.626)	(10.934.514.145)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		65.076.700	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	214.302.747.267	162.316.381.731
141	1. Hàng tồn kho		217.672.914.663	162.316.381.731
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.370.167.396)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.234.814.823	2.264.298.165
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	752.483.749	87.715.069
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.170.612.533	2.160.318.184
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	311.718.541	16.264.912
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.426.061.149.338	2.693.456.241.566
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.827.418.725	10.463.452.108
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5	9.833.599.430	12.449.571.868
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	97.524.629	103.109.222
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	V.7	(2.103.705.335)	(2.089.228.982)
220	II. Tài sản cố định		1.619.665.709.660	1.747.133.726.851
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.567.986.220.625	1.650.022.444.602
222	- Nguyên giá		2.660.613.106.702	2.742.605.389.464
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.092.626.886.077)	(1.092.582.944.862)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	51.679.489.035	97.111.282.249
228	- Nguyên giá		54.617.900.760	99.821.087.008
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.938.411.725)	(2.709.804.759)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		737.169.833.028	862.874.164.531
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.13	9.915.494.756	4.559.788.911
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	727.254.338.272	858.314.375.620
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	30.357.147.693	31.542.669.148
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.242.770.644	7.611.047.480
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.114.377.049	23.931.621.668
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.041.040.231	41.442.228.928
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	31.041.040.231	41.442.228.928
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.902.790.663.413	3.046.055.363.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.029.967.537.401	1.152.291.025.961
310	I. Nợ ngắn hạn		696.442.598.485	723.693.297.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	20.543.316.884	35.099.611.449
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	28.520.552.309	37.897.411.391
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	43.090.096.303	16.374.863.290
314	4. Phải trả người lao động		129.347.328.674	90.320.954.557
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	8.721.779.556	11.727.223.406
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19a	654.803.411	10.653.807
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	61.470.375.740	68.510.955.947
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	365.347.760.502	425.170.040.840
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.397.200.000	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.349.385.105	38.581.582.350
330	II. Nợ dài hạn		333.524.938.916	428.597.728.924
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19b	394.190.840	404.844.647
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.18b	74.965.533.422	73.967.108.422
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	256.907.222.180	354.225.775.855
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.872.823.126.012	1.893.764.337.708
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.872.823.126.012	1.893.764.337.708
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(173.734.406.140)	(51.690.987.999)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.955.587.263	17.939.171.577
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		173.388.407.780	95.678.277.902
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		73.672.808.418	73.264.383.807
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		99.715.599.362	22.413.894.095
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		288.213.537.109	273.837.876.228
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.902.790.663.413	3.046.055.363.669

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 23 tháng 03 năm 2022
Tông Giám Đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BÙI QUANG NINH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.328.207.840.944	918.706.364.194
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		727.350.410	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.327.480.490.534	918.706.364.194
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.047.126.158.803	801.296.438.544
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		280.354.331.732	117.409.925.650
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	34.356.952.119	29.497.909.600
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	100.291.010.368	73.115.802.693
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		48.721.456.063	57.271.860.580
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		57.219.707	302.378.153
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	53.323.818.655	39.268.325.776
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	66.250.190.991	41.031.835.854
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		94.903.483.544	(6.205.750.920)
31	12. Thu nhập khác	VI.7	93.228.308.462	60.194.566.931
32	13. Chi phí khác	VI.8	16.703.968.437	8.551.917.845
40	14. Lợi nhuận khác		76.524.340.025	51.642.649.086
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		171.427.823.569	45.436.898.165
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	41.619.593.387	13.424.772.399
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		129.808.230.182	32.012.125.767
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		99.715.599.362	22.413.894.095
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		30.092.630.820	9.598.231.671
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	640	77
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	640	77

Người lập biểu

LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN TRẦN GIANG

Tổng Giám Đốc

BUI QUANG NINH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		171.427.823.569	45.436.898.165
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, V.11	140.975.919.342	136.576.216.968
03	- Các khoản dự phòng	V.2, V.7	4.961.062.230	(4.636.638.358)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3, VI.4	18.732.312.680	3.840.688.060
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.7	(87.815.800.301)	(77.455.764.498)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	48.721.456.063	57.271.860.580
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		297.002.773.584	161.033.260.917
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.829.340.322	(24.722.369.332)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(60.712.238.777)	(9.036.925.782)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		27.010.076.449	(63.561.614.383)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.736.420.017	2.015.731.632
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(49.188.113.343)	(56.321.170.628)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(31.228.779.525)	(12.267.745.352)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		158.973.001.122	160.580.454.900
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.785.345.854)	(67.631.447.420)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		332.637.133.994	90.088.174.553
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(258.712.281.490)	(124.958.692.194)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		134.331.351.567	73.842.093.132
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(113.034.475)	(3.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.720.419.751	25.879.085.644
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		500.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.252.131.533	4.681.945.359
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(117.021.413.114)	(23.555.568.059)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.20	764.851.628.881	762.961.562.781
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(897.193.124.654)	(839.678.574.178)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.152.875.128)	(11.655.012.560)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(140.494.370.901)	(88.372.023.957)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		75.121.349.979	(21.839.417.464)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		89.869.690.988	110.174.967.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		768.055.241	1.534.140.531
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	165.759.096.208	89.869.690.988

Người lập biểu

LÊ THANH BÌNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN TRẦN GIANG

Tổng Giám Đốc

BUI QUANG NINH



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: trồng, khai thác, chế biến cao su, kinh doanh nhà hàng, khách sạn...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch và làm đại lý vận chuyển khách du lịch trong nước và quốc tế. Vận tải theo tuyến cố định và theo hợp đồng; vận tải khách bằng xe buýt, xe du lịch, xe taxi;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage. Kinh doanh karaoke;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá cao su năm 2021 trên thị trường Việt Nam và thế giới tăng mạnh, bình quân tăng hơn 25% so với năm 2020 và trong năm Công ty tiếp tục thanh lý vườn cao su các vườn cao su già cỗi dẫn đến lợi nhuận tăng cao so với năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong kỳ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	66,6%	66,6%	66,6%
2.	Công ty CP Cao su Daknoruco	Thôn 13, xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su.	73,4%	73,4%	73,4%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondulkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

2a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk và 03 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Cao su Daknoruco và Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của công ty mẹ và công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác	5 - 10

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Hiện giá vườn cây cao su

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến

việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm/kỳ trước, đến năm nay/kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của kỳ sau.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế

bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2021 như sau:

	Mua chuyển khoản VND/USD	Bán chuyển khoản VND/USD
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	22.680	22.960
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	22.585	23.025
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	22.690	22.870
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN Đắk Lắk	22.750	23.050

Tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Đắk Lắk tại 31/12/2021 là 25.995 VND/EUR.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – công ty con để tổng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cơ sở ở nước ngoài phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch/bình quân của kỳ kế toán do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được tổng hợp vào Báo cáo tài chính Hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư đó.

Công ty	Đồng tiền hạch toán	Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 30/06/2021	Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 31/12/2020
Công ty TNHH Cao Su Đắk Lắk	LAK	0,5180 LAK/VND	0,4292 LAK/VND
Công ty TNHH Phát triển Cao Su Đắk Lắk - Mondulkiri	KHR	0,1754 KHR/VND	0,1659 KHR/VND

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	11.024.175.281	4.144.687.784
Tiền gửi ngân hàng	114.011.961.060	63.536.117.894
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	40.722.959.867	22.188.885.309
Cộng	165.759.096.208	89.869.690.988

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN 1	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2021			01/01/2021		
		Giá trị đầu tư	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Giá gốc	
Đầu tư vào Công ty liên kết		7.242.770.644	7.965.447.149		7.611.047.480	7.965.447.149	
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Kỹ thuật cao su	28,79%	7.242.770.644	7.863.774.893	28,79%	7.611.047.480	7.863.774.893
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Chế biến gỗ	45,13%	-	101.672.256	45,13%	-	101.672.256
Đầu tư vào đơn vị khác		23.114.377.049	23.931.621.668		23.931.621.668	23.931.621.668	
- Công ty CP Cao su Thái Dương	Kinh doanh cao su	12,50%	11.575.299.752	11.575.299.752	12,50%	11.575.299.752	11.575.299.752
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Tín dụng	8,42%	11.539.077.297	12.356.321.916	8,42%	12.356.321.916	12.356.321.916
Cộng		30.357.147.693	31.897.068.817		31.542.669.148	31.897.068.817	

Giá trị các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	7.965.447.149	7.965.447.149
	7.965.447.149	7.965.447.149

Giá trị vốn đầu tư theo phương pháp VCSH

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.611.047.480	7.786.659.053
Biến động trong năm	(368.276.836)	(175.611.573)
Lợi nhuận từ Công ty liên kết trong năm	57.219.707	302.378.153
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(378.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(47.496.543)	-
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	(477.989.726)
Số dư cuối năm	7.242.770.644	7.611.047.480

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu các bên liên quan	3.757.574.500	3.757.574.500
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải thu các khách hàng khác	60.654.009.863	66.617.504.619
Công ty Cổ phần FURNIWEB (Việt Nam)	8.581.851.341	6.871.862.250
Công ty TNHH TM&DV Sản Xuất Quán Quân	4.467.377.046	5.221.595.007
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	4.294.495.400
Ukko Corporation	14.072.148.875	10.451.663.860
Weber and Schaer GMBH & Co., KG	7.384.095.936	-
NC Group Pte. Ltd	-	4.574.627.108
R1 International	2.527.780.955	21.372.718.645
Các khách hàng khác	13.631.687.910	13.830.542.349
Cộng	64.411.584.363	70.375.079.119

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trả trước cho người bán khác	11.547.902.250	12.773.910.797
Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi	-	2.341.250.000
XDCB Lê Văn Yên - Công ty xây dựng Champasak	-	316.396.125
Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
CEEBEE CHEMICALS SDN BHD	2.221.432.015	1.283.581.642
Các đối tượng người bán khác	3.706.637.102	3.212.849.897
Cộng	11.547.902.250	12.773.910.797

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản cho vay dài hạn	9.833.599.430	(2.103.705.335)	12.449.571.868	(2.089.228.982)
- Nông trường cao su Cư Mgar	3.658.139.762	(1.706.372.966)	5.815.589.778	(1.662.530.787)
- Nông trường cao su Phú Xuân	424.340.713	(362.411.411)	427.275.533	(362.411.411)
- Nông trường cao su Cuôr Đăng	62.412.131	(34.920.958)	268.808.618	(64.286.784)
- Cho vay đầu tư cao su liên kết tại Campuchia	5.688.706.824	-	5.937.897.939	-
Cộng	9.833.599.430	(2.103.705.335)	12.449.571.868	(2.089.228.982)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.787.260.950	1.026.820.349	3.982.006.672	1.026.820.349
- Phải thu nhân viên về BHXH	1.162.028.399	-	986.438.539	-
- Lãi dự thu của các Hợp đồng tiền gửi	368.725.043	-	449.320.307	-
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349
- Các đối tượng phải thu khác	1.229.687.159	-	1.519.427.477	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000	-	3.000.000	-
- Tạm ứng CBCNV	2.113.964.140	-	1.949.268.776	-
Cộng	5.919.225.090	1.026.820.349	5.934.275.448	1.026.820.349

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê đất	97.524.629	-	103.109.222	-
Cộng	97.524.629	-	103.109.222	-

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**7a. Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.934.514.145)	(10.924.220.145)
Trích lập dự phòng	(1.576.418.481)	(10.294.000)
Số cuối năm	(12.510.932.626)	(10.934.514.145)

7b. Dự phòng nợ phải thu khó đòi dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.089.228.982)	(3.563.984.102)
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(14.476.353)	1.474.755.120
Số cuối năm	(2.103.705.335)	(2.089.228.982)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.218.156.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	53.301.478.521	-	24.239.444.389	-
Công cụ, dụng cụ	5.223.945.166	-	2.938.201.675	-
Chi phí SXKD dở dang	23.728.940.738	-	23.343.337.206	-
Thành phẩm	130.916.973.551	(3.370.167.396)	103.598.176.157	-
Hàng hóa	177.017.687	-	214.101.613	-
Hàng gửi đi bán	4.324.559.000	-	1.764.964.091	-
Cộng	217.672.914.663	(3.370.167.396)	162.316.381.731	-

- Nguyên vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 31/12/2021 chưa đưa vào sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốm các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, Mủ Skim block.
- Hàng hóa là mủ thành phẩm mua ngoài gồm mủ cốm SVR 10 và mủ Latex HA.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2021.
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	684.023.450	17.853.333
Chi phí bảo hiểm	68.460.299	68.846.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.014.848
Cộng	752.483.749	87.715.069

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	5.602.401.658	5.843.578.799
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.742.682.424	6.029.956.042
Giá trị thương hiệu	1.204.175.571	1.588.868.859
Chi phí sửa chữa	4.931.486.486	6.840.200.016
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	2.741.345.612	2.627.508.844
Chi phí khác chờ phân bổ	13.818.948.480	18.512.116.368
Cộng	31.041.040.231	41.442.228.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	529.480.890.067	369.843.501.931	110.033.859.092	3.877.194.077	1.729.258.042.297	111.902.000	2.742.605.389.464
Tăng trong năm	6.663.141.542	2.808.428.719	2.642.818.049	161.000.000	233.593.054.925	575.973.636	246.444.416.871
Giảm trong năm	(5.420.572.773)	(11.298.285.885)	(1.639.489.925)	(586.059.311)	(55.500.906.216)	-	(74.445.314.110)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(31.600.448.443)	(13.005.493.612)	(5.758.124.092)	(41.696.686)	(203.585.622.690)	-	(253.991.385.523)
Số cuối năm	499.123.010.393	348.348.151.153	105.279.063.124	3.410.438.080	1.703.764.568.316	687.875.636	2.660.613.106.702
Khấu hao							
Số đầu năm	280.456.971.219	285.634.163.277	67.409.176.501	3.356.738.733	455.613.993.132	111.902.000	1.092.582.944.862
KH trong năm	24.240.236.422	20.715.267.413	6.480.665.388	275.778.261	88.940.045.931	26.011.711	140.678.005.126
Giảm trong năm	(4.954.776.828)	(11.124.020.086)	(1.639.489.925)	(565.282.874)	(44.478.973.678)	-	(62.762.543.391)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(17.220.814.927)	(9.354.962.424)	(4.559.666.979)	(39.065.876)	(46.697.010.315)	-	(77.871.520.521)
Số cuối năm	282.521.615.886	285.870.448.180	67.690.684.985	3.028.168.244	453.378.055.070	137.913.711	1.092.626.886.077
Giá trị còn lại	249.023.918.848	84.209.338.654	42.624.682.591	520.455.344	1.273.644.049.165	-	1.650.022.444.602
Số đầu năm	216.601.394.507	62.477.702.973	37.588.378.138	382.269.836	1.250.386.513.246	549.961.925	1.567.986.220.625

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 222.764.330.281 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2021 là 1.235.898.661.959 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Các vườn cây trồng mới năm 2010, 2011, 2012, 2013 của công ty con ở Campuchia do kích thước thân cây chưa đủ tiêu chuẩn đưa vào khai thác 6 tháng đầu năm 2021 những cây đạt tiêu chuẩn công ty đã đưa vào khai thác, số còn lại đang tiếp tục chăm sóc để đưa vào khai thác khi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối	8.983.134.872	8.983.134.872	4.559.788.911	4.559.788.911
Chi phí đầu tư phát triển vườn đừa	932.359.884	932.359.884	-	-
Cộng	9.915.494.756	9.915.494.756	4.559.788.911	4.559.788.911

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả các bên liên quan	2.057.000	2.347.520.047
Công ty CP Kỹ thuật cao su	2.057.000	2.347.520.047
Phải trả các người bán khác	20.541.259.884	32.752.091.402
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	-	3.944.585.000
Công ty TNHH SX-TM-DV 999	2.646.600.287	4.640.124.206
Xãng dầu Petrovietnam Oil Lao Co.Ltd	1.772.397.685	589.524.697
Các đối tượng người bán khác	16.122.261.912	23.577.857.499
Cộng	20.543.316.884	35.099.611.449

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2021 là 0 đồng.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	1.605.544.080	441.848.400
Công ty CP Cao su Thái Dương	1.605.544.080	441.848.400
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	26.915.008.229	37.455.562.991
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng	10.000.000.000	10.000.000.000
CNKU Co., Ltd	2.753.771.580	-
Premium Commodities SDN BHD	2.302.500.000	2.187.325.758
Công ty TNHH MTV TMDV Gia Phước	-	15.414.465.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân Gia Lai	-	5.400.000.000
RUIAN GAOTAI TRADING CO LTD. (TQ)	2.904.236.095	-
Premium Commodities SDN BHD	-	2.187.325.758
RUIAN RUIHONG IMP & EXP TRADING CO LTD	2.112.915.993	-
Các khách hàng khác	6.841.584.561	2.266.446.475
Cộng	28.520.552.309	37.897.411.391

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá	31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	458.003.726	27.464.839.222	26.954.678.483	-	-	968.164.465
Thuế GTGT gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	2.029.899.105	2.253.719.913	-	223.820.808	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	28.298.285	28.298.285	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.433.930.399	41.619.593.387	31.228.779.525	(955.312.344)	70.622.011	22.940.053.928
Thuế thu nhập cá nhân	-	752.311.048	6.071.914.948	5.184.587.569	(961.142.248)	-	678.496.179
Thuế tài nguyên	-	590.634	49.915.909	47.300.162	-	-	3.206.381
Thuế nhà đất	-	-	56.924.311	69.886.452	-	12.962.141	-
Tiền thuế đất	16.264.912	-	30.666.972.340	13.025.836.342	857.402.988	4.313.480	18.486.587.554
Các loại thuế khác	-	8.539.813	42.492.450	37.444.608	-	101	13.587.756
Phí và lệ phí	-	1.721.487.670	3.078.712.321	4.800.199.951	-	-	40
Cộng	16.264.912	16.374.863.290	111.109.562.278	83.630.731.290	(1.059.051.604)	311.718.541	43.090.096.303

Số thuế phải nộp của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	171.427.823.569	45.436.898.165
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	(20.234.416.497)	(14.328.790.951)
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.781.565.923	8.300.119.565
+ Chi thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	220.968.000	103.530.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	922.632.753	83.657.180
+ Chi phí lãi vay không được trừ chuyển kỳ sau	6.568.826.917	5.099.807.224
+ Chi phí không hợp lệ khác	4.069.138.253	3.013.125.161
- Các khoản điều chỉnh giảm	32.015.982.420	22.628.910.516
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.463.919.081	22.742.141.963
+ Các khoản điều chỉnh khác	494.843.632	(415.609.600)
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	57.219.707	302.378.153
Thu nhập chịu thuế	151.193.407.072	31.108.107.214
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	151.193.407.072	31.108.107.214
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	41.465.807.817	13.424.772.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm trước	153.785.570	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	41.619.593.387	13.424.772.399

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí phân bón Ami	-	4.926.755.805
- Trích trước chi phí lãi vay	2.187.504.107	2.654.161.387
- Trích trước chi phí triển khai dự án ở các nông trường	1.206.835.803	1.910.368.127
- Chi phí kiểm toán	660.257.075	318.181.818
- Chi phí xử lý hàng vượt dư lượng thuốc BVTV (*)	1.080.633.000	-
- Chi phí phải trả khác	3.586.549.571	1.917.756.269
Cộng	8.721.779.556	11.727.223.406

(*) Là chi phí vận chuyển và xử lý hàng các lô hàng chuỗi xuất khẩu sang Nhật Bản bị vượt dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phải trả nhưng tại ngày 31/12/2021 chưa có đầy đủ hóa đơn chứng từ.

18. Phải trả ngắn hạn khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>61.470.375.740</i>	<i>68.510.955.947</i>
Phải trả về cổ phần hóa	49.446.403.457	49.446.403.457
Kinh phí công đoàn	2.697.063.545	2.803.965.475
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	76.329.017	-
Trợ cấp thôi việc	3.411.319.592	5.281.236.781
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	515.928.187	398.038.315
Ban quản lý các dự án huyện Cư Kuin	324.297.545	1.000.000.000
Ủy ban Nhân dân huyện Krông Buk	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	4.499.034.397	9.081.311.919
Cộng	61.470.375.740	68.510.955.947

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>74.965.533.422</i>	<i>73.967.108.422</i>
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê	1.968.800.000	1.968.800.000
- Cơ sở kinh doanh nông sản Văn Hùng	1.154.600.000	1.154.600.000
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm hàng ngày Đà Lạt	4.235.450.000	4.235.450.000
- Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Phong	1.747.310.000	1.747.310.000
- Nguyễn Độ	1.173.920.000	1.173.920.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Các đối tượng khác	10.030.241.550	9.031.816.550
Cộng	74.965.533.422	73.967.108.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện**19a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Doanh thu cho thuê đất	654.803.411	10.653.807
Cộng	654.803.411	10.653.807

19b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Doanh thu cho thuê đất	394.190.840	404.844.647
Cộng	394.190.840	404.844.647

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>247.076.115.961</i>	<i>247.076.115.961</i>	<i>311.196.860.001</i>	<i>311.196.860.001</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	32.871.773.787	32.871.773.787	89.582.042.044	89.582.042.044
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM - CN Đắk Lắk	89.901.642.282	89.901.642.282	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	79.980.209.400	79.980.209.400	69.747.562.000	69.747.562.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	99.921.297.000	99.921.297.000
- Ngân hàng Việt Lào	25.680.516.514	25.680.516.514	18.797.207.686	18.797.207.686
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk	3.198.719.171	3.198.719.171	1.100.000.000	1.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	5.443.254.807	5.443.254.807	7.048.751.271	7.048.751.271
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>118.271.644.541</i>	<i>118.271.644.541</i>	<i>113.973.180.839</i>	<i>113.973.180.839</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào	47.298.644.541	47.298.644.541	59.094.608.611	59.094.608.611
- Ngân hàng Việt Lào	-	-	3.032.572.228	3.032.572.228
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	70.973.000.000	70.973.000.000	51.846.000.000	51.846.000.000
Cộng	365.347.760.502	365.347.760.502	425.170.040.840	425.170.040.840

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số Số 21.38.0057/2021-HĐCVHM/NHCT502-ĐAKRUCO ký ngày 24/11/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Kpô, Nông trường cao su Cuôr Đăng. (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số Số HD 01/2021/717996/HĐTD ký ngày 27/10/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 19/8 và Nông trường cao su Phú Xuân. (Xem thuyết minh số V.10,

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V.11, V.12)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48019/21MN/HĐTD ký ngày 28/12/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Mã DRJ).
- Ngày 30/07/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 45/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 37/HĐTD.LVB.CPS ngày 22/05/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009 và một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mù theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018 (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12). Cụ thể như sau:
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
 - Phụ lục 01.50: 113ha
 - Phụ lục 02.50: 372ha
 - (Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
 - (Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014 (một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mù theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)
 - Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015
 - (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).
- Khoản vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 54/2019/HĐTD-HM/CPS ngày 07 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 6% /năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha). (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)
- Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá/thẻ tiết kiệm, kèm biên bản định giá số 5220LAV202100 ngày 30/09/2021, hạn mức tín dụng: 3.300.000.000 VND, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay 7%/năm. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm số 01/2020/HĐTGCS/NHN0TL số tiền 5 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Dư nợ tại ngày 30/9/2021 của Hợp đồng tín dụng 5220LAV202100276 ngày 15/06/2021 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0012/2020-HDCVHM/NHCT502-CNCDDRI ngày 15/06/2021; hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; thời hạn vay 9 tháng; lãi suất vay: 6,5%/năm; mục đích sử dụng bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động trồng, sản xuất, kinh doanh chuỗi. Tài sản thế chấp: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0012/2020HĐBĐ/NHCT502 ngày 08/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 20.38.0056/HĐTC-VBSĐBS01/NHCT502-CNCDDRI ngày 10/11/2020. (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

20b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	375.178.866.721	375.178.866.721	468.198.956.694	468.198.956.694
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lào	186.425.003.662	186.425.003.662	257.483.382.590	257.483.382.590
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	120.425.000.000	120.425.000.000	172.271.000.000	172.271.000.000
- Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên	62.321.879.073	62.321.879.073	26.370.966.370	26.370.966.370
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng Việt Lào	3.006.983.986	3.006.983.986	9.073.607.734	9.073.607.734
Cộng	375.178.866.721	375.178.866.721	468.198.956.694	468.198.956.694
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	118.271.644.541			113.973.180.839
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	256.907.222.180			354.225.775.855

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk theo các Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BDDN.01.230114 ngày 10/02/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BDDN.01.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 10/02/2014 đến ngày 10/11/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất + tài sản gắn liền với đất của khu Khách sạn 4 sao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BDDN.02.230114 ngày 28/03/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BDDN.02.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 28/03/2014 đến ngày 20/12/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất khu văn phòng công ty 3,6 ha ((Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DL.DN.03190908 ngày 06/10/2008 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DL.DN.03190908/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày Từ ngày 06/10/2008 đến ngày 06/10/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất Nông trường Cao su Cư Bao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.DN.05080610 ngày 15/07/2010 và phụ lục hợp đồng số DAL.DN.05080610/PL-01 ngày 10/06/2013. Thời hạn vay từ ngày 15/07/2010 đến ngày 15/07/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất Nông trường Cao su 19/8 (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)
- Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013 không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để cho Công ty CP Chi thum Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty CP Cao su Đắk Lắk) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 30/7/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 46/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 729.186 USD với mục đích xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước lý nước thải nhà máy chế biến mủ cao su Daklaoruco. Thời gian rút vốn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian cho vay 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ là 5 năm. Lãi suất kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm đối với kỳ đầu tiên, sáu các kỳ tiếp theo áp dụng bằng lãi suất thả nổi, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tại Điều 9 của hợp đồng 46/HĐ-LVB/2019 (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12). Ngoài ra, một số khoản thế chấp bổ sung như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
- Phụ lục 01.50: 113ha
- Phụ lục 02.50: 372ha
- (Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014
- (Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014 (một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBDG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015
- (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HDTD/2014/KHIDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để “trả nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đăklăk tại các tỉnh Nam Lào”, thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha). (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.12)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của CD không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	1.558.000.000.000	(32.158.008.552)	5.443.978.289	106.979.145.295	294.295.438.071	1.932.560.553.103
Tăng trong năm	-	-	-	22.413.894.095	9.598.231.671	32.012.125.766
Thuế TNDN truy thu 2018	-	-	-	-	(10.339.140.000)	(10.339.140.000)
Giảm trong năm	-	(3.475.500.181)	-	(301.284.336)	-	(3.776.784.517)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	12.779.903.293	(33.413.477.152)	(1.822.075.082)	(22.455.648.941)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(16.057.479.266)	(284.710.005)	-	(17.894.578.432)	(34.236.767.703)
Số dư tại 31/12/2020	1.558.000.000.000	(51.690.987.999)	17.939.171.577	95.678.277.902	273.837.876.228	1.893.764.337.708
Số dư tại 01/01/2021	1.558.000.000.000	(51.690.987.999)	17.939.171.577	95.678.277.902	273.837.876.228	1.893.764.337.708
Tăng trong năm	-	-	9.016.415.686	99.715.599.362	30.092.630.820	138.824.645.868
Chia cổ tức	-	-	-	-	(14.542.235.000)	(14.542.235.000)
Giảm trong năm	-	(3.308.006.185)	-	-	-	(3.308.006.185)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(22.005.469.484)	(1.174.734.939)	(23.180.204.423)
CLTG do chuyển đổi báo cáo	-	(118.735.411.956)	-	-	-	(118.735.411.957)
Số dư tại 31/12/2021	1.558.000.000.000	(173.734.406.140)	26.955.587.263	173.388.407.780	288.213.537.109	1.872.823.126.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000
Các cổ đông khác	1,06%	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000
Cộng	100%	1.558.000.000.000	100%	1.558.000.000.000

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu thường	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021. Cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 8.006.800.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10.032.100.000 đồng.

21f. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	273.837.876.228	294.295.438.071
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	30.092.630.820	9.598.231.671
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(14.542.235.000)	(10.339.140.000)
Giảm khác	(1.174.734.939)	(19.716.653.514)
Số cuối năm	288.213.537.109	273.837.876.228

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mù cao su	958.217.315.391	715.841.437.146
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	8.093.642.466	18.921.616.788
Doanh thu bán chuối, dứa	46.240.359.028	20.704.121.544
Doanh thu bán chanh dây	-	4.275.268.150
Doanh thu bán thành phẩm chi thun, acid chung cất	271.194.492.072	122.946.492.208
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	44.265.297.739	35.493.876.547
Doanh thu dịch vụ khác	196.734.248	523.551.812
Cộng	1.328.207.840.944	918.706.364.194

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mù cao su	729.110.513.556	623.196.440.808
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	16.376.131.668	25.681.756.749
Giá vốn bán chuối, dứa	51.890.790.465	19.293.534.267
Giá vốn bán chanh dây	-	7.758.568.209
Giá vốn thành phẩm chi thun, acid chung cất	246.214.582.839	123.186.639.930
Giá vốn cho thuê đất trồng xen	3.477.617.145	2.179.498.581
Giá vốn khác	56.523.130	-
Cộng	1.047.126.158.803	801.296.438.544

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.068.686.511	4.326.312.414
Lãi CLTG đánh giá lại cuối kỳ	415.423.713	239.998.386
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.235.778.738	1.957.281.963
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.387.854.708	6.758.210.208
Lãi đầu tư cao su liên kết	7.750.414.266	16.216.106.629
Lãi trả chậm	498.794.184	-
Cộng	34.356.952.119	29.497.909.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	48.721.456.063	57.271.773.015
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.421.102.931	11.987.544.588
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	700.998.567	(1.455.370.244)
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	20.683.846.875	4.080.686.446
Chênh lệch lỗ khi thoái vốn ở Quỹ tín dụng Cao su Đắk	317.244.619	-
Chi phí tài chính khác	446.361.313	1.231.168.888
Cộng	100.291.010.368	73.115.802.693

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	9.546.245.440	5.503.792.461
Chi phí nhân viên bán hàng	2.196.005.574	2.664.663.187
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	345.130.055	776.748.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.817.696.831	27.655.608.130
Chi phí khác bằng tiền	4.418.740.755	2.667.513.362
Cộng	53.323.818.655	39.268.325.776

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	44.238.932.407	11.978.655.866
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.503.169.910	12.779.091.968
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.422.897.449	2.473.635.082
Dự phòng phải thu khó đòi	1.576.418.481	-
Trích lập quỹ khoa học công nghệ	1.257.992.474	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.865.440.954	7.024.033.498
Chi phí bằng tiền khác	9.385.339.316	6.776.419.440
Cộng	66.250.190.991	41.031.835.854

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý HĐ liên kết trước hạn	607.913.054	1.639.497.205
Thu nhập từ đền bù tài sản, đất	3.090.562.844	4.499.696.217
Thu từ thanh lý tài sản cố định	86.611.025.131	50.456.279.711
Thu tiền cho thuê mặt bằng	1.756.302.851	536.780.989
Thu nhập khác	1.162.504.582	3.062.312.809
Cộng	93.228.308.462	60.194.566.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	10.532.859.726	-
Chi phí vườn cây bị thu hồi bồi thường	-	3.622.223.082
Các khoản phạt và truy thu thuế	3.417.680.755	2.290.344.619
Chi phí xử lý hạn vượt dư lượng thuốc BVTV	1.080.633.000	-
Chi phí khác	1.588.766.978	2.471.453.572
Cộng	16.703.968.437	8.551.917.845

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	99.715.599.362	22.413.894.095
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(10.427.050.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	99.715.599.362	11.986.844.095
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	155.800.000	155.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	640	77

(*) Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	99.715.599.362	11.986.844.095
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	99.715.599.362	11.986.844.095
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	155.800.000	155.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	640	77

11. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	506.811.373.868	245.141.227.135
Chi phí nhân công	383.149.021.018	333.566.517.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.066.896.495	136.576.216.968
Chi phí dự phòng	4.771.727.277	-
Chi phí trích lập quỹ phát triển KH và công nghệ	1.257.992.474	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.529.615.823	82.018.910.186
Chi phí khác	44.276.719.386	21.730.598.708
Cộng	1.204.863.346.340	819.033.470.051

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Số 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	764.851.628.881	762.961.562.781
Cộng	764.851.628.881	762.961.562.781

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường	897.193.124.654	839.678.574.178
Cộng	897.193.124.654	839.678.574.178

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VND)**1. Các bên liên quan****1.a Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác

1.b Giao dịch với các bên liên quan

Tên Công ty	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Mua hàng			
Công ty CP kỹ thuật cao su	Mua hàng hóa,	4.129.843.108	8.378.130.262
Giao dịch khác			
Công ty CP cao su Thái Dương (cổ tức)		1.125.000.000	1.125.000.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk (chia cổ tức)		504.154.081	576.281.963

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mù cao su	6.740.553.600	3.618.336.000
Công ty CP cao su Thái Dương	6.740.553.600	3.618.336.000
Doanh thu khác	51.944.576	523.551.812
Công ty CP kỹ thuật cao su	51.944.576	523.551.812
Cộng	6.740.553.600	3.618.336.000

1c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2021	01/01/2021
Nợ phải thu ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	2.057.000	2.347.520.047
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CP Cao su Thái Dương	1.605.544.080	441.848.400

1.d Thu nhập của Ban điều hành

STT	Thành viên Ban QLDH	Chức danh	Năm 2021			Năm 2020		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng	Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	434.058.000	-	434.058.000	460.413.000	-	460.413.000
2	Bùi Quang Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	416.695.000	-	416.695.000	441.998.000	-	441.998.000
3	Nguyễn Đệ	kiêm Phó Tổng Giám đốc	316.500.000	-	316.500.000	342.457.000	-	342.457.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc	53.252.000	-	53.252.000	-	-	-
5	Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	325.543.000	-	325.543.000	345.311.000	-	345.311.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000	-	63.187.000	63.187.000
7	Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000	-	63.187.000	63.187.000
8	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000	-	63.187.000	63.187.000
10	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát	303.092.000	-	303.092.000	345.311.000	-	345.311.000
11	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000	138.124.000	-	138.124.000
12	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000	138.124.000	-	138.124.000
	Tổng cộng		2.109.574.000	178.092.000	2.287.666.000	2.211.738.000	189.561.000	2.401.299.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất

6. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu so sánh được điều chỉnh hồi tố do một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Phát triển cao su Đắk Lắk Mondulkiri thay đổi sau kiểm toán độc lập. Vì vậy số liệu có tính so sánh được.

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 01/01/2021 trình bày lại		Số liệu tại ngày 31/12/2020 được kiểm toán		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12.773.910.797	132	12.796.822.189	(22.911.392)
Chi phí trả trước dài hạn	261	41.442.228.928	261	44.641.033.962	(3.198.805.034)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	95.678.277.902	421	98.899.994.328	(3.221.716.426)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22.413.894.095	421b	25.635.610.521	(3.221.716.426)

Báo cáo KQKD	Số liệu so sánh trên BCTC năm 2021 trình bày lại		Số liệu năm 2020 trên BCTC năm 2020 được kiểm toán		Chênh lệch
	Mã số	Số liệu	Mã số	Số liệu	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	918.706.364.194	01	919.119.861.434	(413.497.239)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	02	413.497.239	(413.497.239)
Giá vốn hàng bán	11	801.296.438.544	11	798.248.291.293	3.048.147.251
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.497.909.600	21	29.497.997.164	(87.565)
Chi phí tài chính	22	73.115.802.693	22	73.115.890.258	(87.565)
Chi phí khác	32	8.551.917.845	32	8.378.348.671	173.569.174
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	22.413.894.095	61	25.635.610.521	(3.221.716.426)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	77	70	165	(88)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	77	71	165	(88)

Buôn Ma Thuột, ngày 23 tháng 03 năm 2022


LÊ THANH BÌNH
Người lập biểu


NGUYỄN TRẦN GIANG
Kế toán trưởng


BÙI QUANG NINH
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 04 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Việt Lương

